Phần Mở Đầu

Kinh Tăng Nhất A-Hàm (Trung Tâm DT Trí Tịnh - VNC PHVN, 2022)

TAM TẠNG THÁNH ĐIÊN 4S SX

PHẬT GIÁO w NAM

%

M0 :>

ỉỷ í^ ^

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM

TAM TANG thanh D|£n phật giao v® nam iW TAM TẠNG PHẬT GIÁO BÔ PHÁI 07

KINH TĂNG NHẤTA-HÀM

Việt dịch: TRUNG TÂM DỊCH THUẬT TRÍ TỊNH

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ Hố CHÍ MINH

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

Hán dịch TAM TẠNG CÙ-ĐÀM TĂNG-GIÀ-ĐỀ-BÀ

Việt dịch TRUNG TẦM DỊCH THUẬT TRÍ TỊNH

BAN PHIÊN DỊCH
Thích Chúc Phú
Thích Nguyên Hùng
Thích Đồng Ngộ
Thích Nữ Liên Thiền
Thích Nữ Đức Thuận
NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDHASSA THÀNH KÍNH ĐẢNH LỄ ĐỨC THẾ TÔN, BẬC ỨNG CÚNG, CHÁNH ĐẲNG GIÁC

HỒI ĐỒNG CHỨNG MINH (Nhiệm kỳ 2017-2022)

PHÁP CHỦ GIÁO HÔI PHẬT GIÁO VIỆT NAM • Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ

PHÓ PHÁP CHỦ GIÁO HÔI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ QUẢNG
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH GIÁC NHƯỜNG
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH DŨNG
• Trưởng lão Hòa thượng DƯƠNG NHƠN
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH ĐÀM
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH ĐỨC NGHIỆP
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH TỪ

• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THIỆN DUYÊN e Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH

HÔI ĐÔNG CHỈ ĐẠO PHIÊN DỊCH

• Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN

• Chủ tịch Hợi đồng Trị sự GHPGVN

. Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN

-Phó Chủ tịch Hội đồng Tri sự GHPGVN

-Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

• Hòa thượng Tiến sĩ THÍCH GIA QUANG

-Pho Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN

-Viện trưởng Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội

• Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT

-Cổ vấn Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

BAN BIÊN TẬP & ẤN HÀNH TAM TẠNG PHẠT GIÁO Bô PHÁI

•Trưởng ban -Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN

•Phó Trưởng ban

-Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT

-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH TÂM ĐỨC

-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH ĐỨC THIỆN

•Tổng Biên tập

-Hòa thượng Tiến sĩ THÍCH MINH THÀNH

-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH NHẬT TỪ

•Phó Tổng Biên tập

-Hoathucmg THÍCH PHƯỚC CẨN

-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH HẠNH BÌNH

-Thượng tọa Thạc sĩ THÍCH CHÚC PHÚ

•Thư ký Biên tập

-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH GIÁC HOÀNG •ủy viên Biên tập

-Hoa thượng THÍCH THÔNG THIỀN

-Thượng tọa THÍCH THIỆN THUẬN

-Thượng tọa THÍCH NGUYÊN HUNG

-Thượng tọa THÍCH NGUYÊN TRANG

-Ni sư Tiến sĩ THÍCH NỮ LIÊN HÒA

-Sư cô Tiến sĩ THÍCH NỮ LIÊN THỦY

•Trưởng ban Tài chánh -Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH PHƯỚC TIẾN

LỜI CHỨNG MINH

Nam-mô Bản Sư Thích-ca Mâu-ni Phật rong Kinh Hoa Nghiêm có ghi: "Phật dĩ nhất nhất thân, xứ xứ chuyển

T pháp ỉuâr^ ,nghía là đức Phật luôn dùng tất cả hóa thân của mình, ở
mọi nơi mọi chốn chuyển bánh xe pháp. Thật hoan hỷ, tinh thần chuyển bánh xe pháp của đức Phật đã và đang được chư Tôn đức Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam triển khai một cách hiệu quả. Đặc biệt, trên phương diện hoằng truyên kinh điên, chư Tôn đức đã có những định hướng đúng đắn cho Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tiến hành phiên dịch, san định, ấn tống Kinh, Luật, Luận, Sớ giải có nguồn gốc từ tạng Pali, Sanskrit, Hán cổ và các ngôn ngữ khác. Khi nghiên cứu, hoằng truyền kinh điển, nhà Phật thường có câu: "Di Thánh giáo vi mình cảnh chiếu kiến tự tâmf dĩ tự tâm vi trí đăng chiếu kinh u chr ,nghĩa là lấy Phật pháp
làm tấm gương sáng soi vào tự tâm, lấy tự tâm làm ngọn đèn trí soi tỏ chỗ thâm sâu của kinh điển. Những Phật sự được chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã và đang thực hiện, thực sự là những việc làm trân quý. Việc ấy không chỉ làm sáng bản tâm của mỗi hành giả nghiên cứu mà còn chuyển hóa lời Phật dạy một cách dễ hiểu, dễ học, dễ hành, gần gũi với cuộc sống đời thường. Thông qua đó, mỗi hành giả có được cách tiếp cận, tu tập, thực hành lời Phật dạy, thành tựu nhiều kết quả hơn. Từ việc nghiên cứu kinh điển, nhìn lại Phật giáo Việt Nam, chúng ta mới thấy, Phật giáo Việt Nam với chiều dài lịch sử trên dưới 2000 năm đồng hành cùng dân tộc, đã tạo nên những giá trị Phật giáo đặc biệt, đóng vai trò trụ cột trong việc gìn giữ nên văn hóa Việt thời kỳ 1000 năm Bác thuộc, làm cho dân tộc Việt Nam trở nên vĩ đại nhất trong lịch sử phong kiến nước nhà vào thời đại Lý - Tran, vẫn đang tiếp tục đong hành cùng đất nước trong thời kỳ hội nhập với phương châm "Đạo pháp - Dân toe?9 Chính vì vậy, những Phật sự của chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đang thực hiện có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc "kế vãng khai lai, truyền trì đạo mạch", không chỉ làm cho Phật pháp xương minh, trường ton ở the gian mà còn góp phần làm cho

x KINH TĂNG NHẤTA-HÀM

Phật giáo Việt Nam tiếp nối truyền thống tốt đẹp từ ngàn xưa, phát triển lên một tầm cao mới. Hy vọng mỗi hành giả chúng ta nỗ lực hơn nữa để thành tựu giải thoát và hoàn thành sứ mệnh uTác Như Lai sứ, hành Như Lai sụ?' Nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, thế giới hòa bình, nhân dân an lạc. Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bô-tát, tác đại chứng minh.

VesakLiên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.20Ỉ9 Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ (Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam)

LỜI GIỚI THIÊU

hay mặt Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi tán dương Hội

T đồng Quản trị Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, đặc biệt là Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam đã hoan hỷ đảm trách nhiệm vụ phiên dịch, biên tập và ấn hành bộ Thánh điển thiêng liêng này. Phiên dịch Kinh, Luật, Luận từ các ngôn ngữ Phật học (Pali, Sanskrit, Hán cổ) ra tiếng Việt là trách nhiệm cao quý của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (VNCPHVN) do Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu thành

lập năm 1989, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học hỏi và thực tập Phật pháp của hàng triệu Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước. 1. về thuật ngữ Tôi tán đồng cách Hội đồng Quản trị VNCPHVN thay đổi cụm từ "Đại tạng kinh Việt Narrf\ vốn chiu ảnh hưởng từ cách đặt tựa tác phẩm của Phật giáo Trung Quốc, thành "Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam"\ nhằm thể hiện bản sắc văn học Phật giáo Việt Nam, đồng thời thích ứng với cách đặt tên phổ biến của cộng đồng Phật giáo thế giới hiện nay. Khái niệm uĐại tạng kinh" chỉ đề cập đến "Kinh lạng" (P. Sutta Pitaka, H.)tức kho tàng Chân lý, trong khi khái niệm "Tam tạng Thánh điển Phật giáo" có nội hàm rộng hơn, bao quát hơn; đó là ngoài kho tàng Chân lý còn có kho tàng Đạo đức (P. Vìnaya Pitaka, H.,Luật tạng), kho tàng Triết học tâm (P. Abhidhamma Pitaka, H.,Luận tạng), Văn học Chú giải (P. Atthakathã), Văn học Phụ chú giải (P. Tīka). Văn học Tục tạng (các tác phẩm Phật học và văn học Phật giao Viet Nam). Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam bao gồm các tuyển tập lam tạng Phật giáo Thượng Tọa bộ (ảnh hưởng các nước Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia), Tam tạng Phật giáo Bộ phái, Tam tạng Phật giáo Đại thừa (ảnh hưởng Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, Tây Tạng), Văn học Sớ giải, Văn học Tông phái Phật giáo và Văn học Phật giáo Việt Nam, v.v... 2. về Văn học sử Phật giáo "Thánh điển Phật giáo" là khái niệm chỉ cho tuyển tập những lời dạy của đức Phật trong 45 năm (theo Phật giáo Nam truyền) hay 49 năm (theo Phật giáo

Bắc truyền) truyền bá Chân lý (P. Dhammā, s. Dharma. H.Pháp), Đạo đức (P=s. Vỉnaya. H.Giới luật), và Các pháp siêu việt (P. Abhidhamma, s. Abhidharma. H.,V6 tỷ pháp). Thánh điên Phật giáo được truyên thừa qua hình thức khâu truyên, được cho là bằng ngon ngữ Pali từ thời đức Phật (khoảng thế kỷ VI-V TTL) và lim truyền qua ba lần kết tập kinh điển tại Ấn Độ. Đen Đại hội Kết tập kinh điển lần thứ tư tại Tích Lan (khoảng thế kỷ I TTL), Thánh điển được viết trên lá bôi và lưu truyên đên ngày nay. Hai tác phàm Đảo sử (Dīpavamsd) và Đại sử (Mahãvamsa) đều ghi nhận rằng trong triều đại Valagamba (29-17 TTL) tại Anuradhapura, Tích Lan, các cao Tăng thuộc làu Tam tạng Pâli bắt đầu viết kinh Phật trên lá bối để giữ gìn và truyền bá lời Phật dạy một cách hiệu quả hơn. Theo các nhà Đại thừa, cũng vào thế kỷ I TTL trở di, kinh điển Đại thừa bằng tiếng Sanskrit lần lượt ra đời. Ngoài các bản kinh Đại thừa quan trọng tôn tại với ân bản Sanskrit, phân lớn văn học Phật giáo Đại thừa được lưu giữ qua các bản dịch Hán cô, được các vua chúa, đại thí chủ lưu bô qua các bản chép tay, khắc trên đá, khắc trên gỗ, và về sau biên tập thành các Đại tạng kinh mang tâm vóc quôc gia ở Trung Hoa; còn tiêng Tây Tạng cô, được biên tập thành Kinh điên Phật giáo Tây Tạng (Tibetan Buddhist Canon) gôm hai tạng: Kangyur (Kinh - Luật tạng gồm 100 bộ) và Tengyur (Luận tạng gồm 213 bộ). 3. về phương diện lịch sử Hơn lo thế kỷ (từ thế kỷ I-X) bị Trung Quốc đô hộ, người Việt Nam đã sử dụng Đại tạng kinh Trung Hoa bằng Hán cổ và cho đến những thế kỷ sau. Giai đoạn 80 năm Pháp thuộc (1867-1945), người Việt lại buộc phải sử dụng tiếng Việt La-tinh hóa nên chữ Hán Nôm mất dần vị trí ngôn ngữ chính thống. Đứng trước nhu cầu thích nghi với quốc ngữ mới, các cao Tăng Việt Nam quyết định phiên dịch kinh điển từ Hán cổ ra tiếng Việt La-tinh để phổ biến lời Phật

dạy rộng rãi hơn, vì đại đa số người Việt trong thời Pháp thuộc không đọc được chữ Hán Nôm. Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam được hình thành qua 3 giai đoạn: Giai đoạn l bắt đầu từ trước 1950 đến 1975, với đỉnh cao là sự ra đời của Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) vào năm 1973 và ngưng hoạt động vao năm 1975. Các bậc Tôn túc đóng góp nổi bật trong việc phiên dịch kinh điển từ Hán cổ sang tiếng Việt trong giai đoạn này có Hòa thượng Thích Trí Tịnh {Ma-ha Bát-nhã, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm. Đại Bảo Tích, Nỉết-bàn, Đại Tập); Hòa thượng Thích Trí Nghiêm (Đại Bát-nhã); và chư vị Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Bửu Huệ, Hòa thượng Thích Thiền Tâm (Trung A-hàm. Tăng nhất A-hànỉ). Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Thượng tọa Thích Trí Thành (TrườngA-hàm. Tạp A-hàm), v.v...

Giai đoạn 2 bắt đầu từ 1975 đến 2017, với sự ra đời của các bản dịch từ Pâli sang tiếng Việt.1 Đóng góp nổi trội của Hòa thượng Thích Minh Châu là phiên dịch hầu hết Kinh tạng Pâli. Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, Hòa thượng Giới Nghiêm phiên dịch Luật tạng Pâli và Hòa thượng Tịnh Sự dịch Luận tạng Pâli. Gần đây, Thượng tọa Chánh Thân đã dịch mới một số kinh trong Tiểu bộ và Luật tạng Pali* Sau ba thập niên phiên dịch độc lập? đến năm 1991, Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam chính thức được Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) thanh lập. Từ đó đến nay, VNCPHVN chỉ tai bản được Kinh tạng Nam truyền,2 gồm 13 tập và một vài tập A-hàm. Trong thời gian này và trước đó9 Hòa thượng Thích Trí Quang đã dịch hơn 25 tập Kinh, Luật, Luận; Hòa thượng Thích Đỗng Minh đã dịch một số bộ Luật và hướng dẫn, khuyến khích chư Tăng Ni tại Nha Trang phiên dịch các bộ Luật của các bộ phái Phật giáo, góp phần làm phong phú kho tàng Luật tạng Phật giáo Việt Nam. Trong hai thập niên, 1994-2014, Hội đồng Dịch thuật do Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh khởi xướng và bảo trợ, có công tong hợp, biên tập và xuất bản các công trình dịch thuật đã có, đong thời dịch mới các Kinh, Luật, Luận quan trọng khác để hình thành Linh Sơn Pháp bảo Đại tạng kinh. Giai đoạn 3 từ năm 2017 trở đi. Vào giữa năm 2018, Hội đồng Quản trị VNCPHVN thành lập Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam, tiến hành đối chiếu văn bản song ngữ, biên tập tiếng Việt, làm tổng mục lục mới, với mục tiêu phiên dịch hoàn tát, biên tập và xuất bản Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam, gồm Ba tạng Thượng Tọa bộ, Ba tạng Bộ phái và Ba tạng Đại thừa. Đồng thời, Văn học Sớ giải, Tục tạng, Văn học Tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản và Văn học Phật giáo Việt Nam cũng sẽ được thực hiện tiếp theo. Công trình sun tầm, phiên dịch, hiệu chú và ấn hành này dự kiến sẽ hoàn thành trong vòng 10 năm hoặc lâu hơn nữa. 4. về bản sắc quốc gia r 9 e r n • e 8

Thánh điên Phật giáo được xem là quôc bảo của nhiêu quôc gia theo đạo Phật. Các quốc gia thuộc hai truyền thống Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền đều có Thánh điên Phật giáo băng tiêng mẹ đẻ của họ từ lâu. Tại các nước Phật giáo Nam truyên như Tích Lan, Miên Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, ngoài ân bản Tam tạng Thánh điển Pali, đều có bản dịch Thánh điển Phật giáo bằng quốc ngữ của họ. Trong các nước Phật

giáo Đại thừa, Trung Quốc là nước đầu tiên có Khai Bảo tạng được khắc gỗ từ năm 971 đến 983 thời Bắc Tống. Các nước Phật

1 Hòa thượng Thích Minh Châu dấn thân vào sự nghiệp dịch thuật rất sớm. Hòa thượng đã dịch và ấn hằnhfKinh Trường bô từ năm 1965 (tập I), 1967 (tập II), 1972 (tập III, IV). Các năm kê tiêp, Hòa thượng cho ấn hành các tạp Kỉnh Trung bộ'. 1973 (tập I), 1974 (tập II, ill). 2 Còn thiếu 6 quyển trong Kinh Tiểu bộ'. Diễn giải, Phân tích đạo, Thảnh nhân kỷ sự, Phật sử, Hạnh tạng và Milinda van đạo.

xiv KINH TĂNG NHẤTA-HÀM

, • y 1 y r M A 9 - . giáo Đại thừa chiu ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Quôc đêu có ân bản Đại tạng kinh chữ Hán theo phong cách riêng. Đại Hàn (1011-1082) có ấn bản Cao Ly Đại tạng kinh (),hay còn gọi là Bát vạn Đại tạng kinh ()có cấu trúc mục lục khác với các Đại tạng kinh Trung Quốc, gom Tam tạng Đại thừa (các bản văn 1-646), Tam tạng Tiểu thừa (các bản văn 647-978), Thánh Hiền Phật ký lục (các bản văn 979-1087) và các tác phẩm khác (1088-1498), trong đó? các bản văn 1402-1405 là các trước tác của Phật giáo Đại Hàn. Nhật Bản có Thiên Hải tạng ()đầu tiên được thực hiện từ năm 1637 đến 1648. Đen đầu thế kỷ XX, Đại Chảnh tân tu Đại tạng kinh (1924-1934) do các học giả Takakusu Junjiro, Watanabe Kaikyoku và Ono Genmyou biên tập, gồm 100 tập, 3.493 bộ, 13.520 quyển? trong đó, 55 tập đầu gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, các tông phái Phật giáo Ấn Độ, Trung Quốc. Đây là ấn bản Đại tạng kinh bằng chữ Hán hoàn chỉnh nhất, có tính hệ thống về phân loại và chấm câu tốt nhất. Phật giáo Tây Tạng cũng có Đại tạng kinh riêng khá sớm, từ năm 1290 đến 1364. Đại tạng này bao hàm hầu hết các bản luận Sanskrit của các bộ phái Phật giáo Ấn Độ, có nguồn gốc từ Trường Đại học Nālandā nổi tiếng và một số bản dịch từ tiếng Hán. Đại tạng này được hiệu chỉnh qua các thời kỳ và trở thành kho tàng Pháp bảo Tạng truyền đặc thù, vì nó chứa nhiều bộ mật chú và pháp môn tu bí truyền mà ngày nay không tìm thấy trong các Đại tạng kinh Trung Hoa và các nước khác. Tính từ thời điểm Pháp thuộc năm 1867 đến 2019, khi tiếng Hán - Việt trở thành tiếng Việt La-tinh hóa, 152 năm đã trôi qua, hoặc tính từ thời điểm Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của GHPGVNTN hình thành từ năm 1973 cũng đã trải qua 46 năm, Tam tạng Thảnh điên Phật giáo Việt Nam chỉ mới hoàn tát gân một nửa chặng đường phiên dịch. Bên cạnh việc trân trọng những thành quả dịch thuật của các bậc Tôn đức hữu công thuộc các thế hệ trước, GHPGVN cần có Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam hoàn chỉnh, không chỉ thể hiện bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam mà còn giúp cho người Việt Nam không biết các cổ ngữ Phật giáo có thể tiếp cận lời Phật dạy bằng tiếng Việt, nhằm đạt được trí tuệ do nghe chân lý Phật (P. Sutamayapaññā. Văn tuệ), trí tuệ do nghiền ngẫm chân lý Phật (P. Cintāmayapaññā, Tư tuệ) và trên nền tảng này, tiếp tục đạt được trí tuệ do thực hành thiền chỉ, thiền quán (P. Bhāvanāmayapaññā, Tu tuệ). Đe tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam qua Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam, tôi tha thiết kêu gọi quý Tăng Ni và Phật tử tham gia vào Ban Phiên dịch và Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam, góp phần phiên dịch và xuất bản hoàn chỉnh Tam tạng Thánh điển

Phật giáo Việt Nam. Đồng thời, tôi tha thiết kêu gọi quý mạnh thường quân và quý Phật tử phát tâm đóng góp tinh tài để công trình phiên dịch, biên tập và xuất bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam sớm thành tựu mỹ mãn. Xuất bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam không chỉ là niềm mơ ước của Tăng Ni và Phật tử Việt Nam mà còn tạo thuận duyên cho 97 triệu người Việt Nam trong nước và hơn 5 triệu người Việt Nam ở hải ngoại có cơ hội học Phật, tu Phật bằng tiếng Việt, để diệt trừ tham ái, sân hận, si mê, chấp thủ, vôn là nhân khô dàu, đông thời, trải nghiệm an vui, hạnh phúc bây giờ và tại đây, góp phần làm cho Tổ quốc Việt Nam ngày càng giàu mạnh và phát triển bền vững.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN (Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN)

LỜI NÓI ĐẦU

am tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là một kho tàng Pháp bảo đầy

T đủ của Phật giáo Việt Nam, gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, Sử và các tác phẩm liên quan đến Phật giáo Việt Nam. Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam chứa đựng tư tưởng tâm linh, kho tàng trí tuệ, nền tảng văn hóa đạo đức có giá tri vượt thời gian và không gian. Cùng với những hệ thống tư tưởng lớn khác ở phương Đông và trên thế giới, hệ thốĩiệ tư tưởng minh triết của đạo Phật lùn xuất từ Thánh điên Phật giáo trong nhiêu thời kỳ, càng lúc càng có ảnh hưởng rộng lớn và thấm đượm nơi tâm hồn con người nói chung, tâm hồn người Phật tử Việt Nam nói riêng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa đạo đức Việt Nam. Dân tộc Việt Nam từ thời khởi nguyên đã có mối liên hệ với Phật giáo. Phật giáo Việt Nam bắt đầu từ rất sớm và xuyên suốt dòng lịch sử luôn đồng hành cùng dân tộc. Đất nước và con người Việt Nam, trong không gian minh triết phương Đông, ân hưởng nguồn sáng thiêng liêng cùng với sức mạnh chuyển hóa nhiệm mầu của đạo Phật, đã phát triển, sánh vai với bạn bè trên thế giới. Ngày nay, Phật giáo Việt Nam đang tiếp tục vươn lên với những hoạt động mang tầm quốc gia và quốc tế trên nhiều phương diện, trong đó Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là một dấu chỉ quan trọng trên lộ trình phát triển, phát huy tiềm năng con người Việt Nam và Phật giáo Việt Nam về phương diện văn hóa tâm linh và hàn lâm học thuật. Văn pháp được sử dụng để chuyển tải nội dung của Tam tạng Thảnh điển Phật giảo Việt Nam tiệm cận những tiêu chí: Trung thực, uyên thâm, văn nhã. Những chuẩn mực khác cũng được quan tâm như: Trang trọng, uy nghiêm. Tiêu chí, chuẩn mực được đặt ra và triển khai nhằm nânệ cao hiệu quả của việc tụng niệm và hành trì, gia tăng hiệu ứng tâm linh, khuếch tán ở mức cao nhất ánh sáng mầu nhiệm thiêng liêng lưu xuất từ đầu nguồn là đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thuở khởi nguyên của Thánh điển bắt đầu với việc kết tập Tam tạng. Ba làn kết tập đầu tiên, Thánh điển được trùng tụng, chuẩn ỵ và ghi nhớ từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng phương pháp khẩu truyền. Thế kỷ III TTL đã có những phái đoàn hoằng pháp do VuaAsoka chủ trương và thực hiện, trong đó Hoàng tử Mahinda và Công chúa Sañghamittā của vương triều này

đã truyền bá đạo Phật

xviii KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

sang Tích Lan. Hai thế kỷ sau, dưới triều đại nhà Vua Tích Lan Vattagāmanī Ābhāya, Thánh điển được biên chép và bổ sung phần Chú giải, ở Ấn Độ, lần kết tập thứ tư dưới sự bảo frợ của Vua Kaniska từ cuối thế kỷ I đến đầu thế kỷ II, Thánh điển được viết xuống bằng ngôn ngữ Sanskrit. Như vậy, cả hai hệ thống kinh điển tiếp tục được lưu giữ, quảnệ bá ở bản địa và lan tỏa sang các nước khác dưới hai dạng, chữ viết và khẩu truyền. Hầu hết Thánh điển Phật giáo từ hai hệ thống trên vẫn còn được bảo tồn đầy đủ trong dạng nguyên ngữ hay dịch ngữ, và có những phiên bản tiếp tục được phát hiện dù có những khoảng thời gian việc thế thế truyền thừa dường như bị gián đoạn, thậm chí mai một. Anh sáng trí tuệ chứa đựng trong Thánh điên Phật giáo càng lúc càng được giới trí thức của thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây nhận thức. Tạng Sanskrit được tái phát hiện ở Nepal vào năm 1822, có thể xem là tạng Sanskrit truyền sang thế giới phương Tây sớm nhất. Tạng Pâli do Hoàng tử Mahinda khởi động truyền bá từ Ấn Độ sang Tích Lan, sau đó nhờ được sự bảo trợ dưới triêu Vua Vattagāmanī Ābhāya vào thê kỷ I TTL, công trình trùng tụng, biên chép và bảo tồn được tổ chức thực hiện quy mô lớn tại Aluvihãra, thành phố Matale, với 500 nhân sự chuyên trách. Tạng Pâli được xem là Thánh điển Phật giáo chính thống của các nước thuộc hệ thống Nam truyền như Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào. Luận sư Buddhaghosa vĩ đại của thế kỵ v đã có công lớn đối với Thánh tạng Pâli. Nửa cuối thế kỷ XIX, Miến Điện tổ chức kết tập Tam tạng, trùng tụng, học thuộc Thánh điển, và nổi tiếng với bộ kinh bằng đá hoa cương thực hiện năm 1860 do Vua Mindon bảo trợ. Năm 1881, Pali Text Society (Hội Thánh điển Pali) ra đời với mục tiêu là biên tập, ấn hành nguyên bản Pali và phiên dịch sang tiếng Anh. Đầu thế kỷ XX, công trình phiên dịch Thánh tạng quy mô từ tiếng Pâli sang tiếng Thái được thực hiện và giới thiệu rộng rãi thông qua mạng lưới các trường đại học trên thế giới, dưới sự bảo trợ của Vua Chulalongkorn thứ v. Ngoài tạng Pâli và tạng Sanskrit, khi nói về phương diện đầu nguồn, cổ kính và thâm quyên, cân ghi nhận răng Thánh tạng tiêng Hán cô có truyên thông lâu đời, bao phủ một địa bàn văn hóa rộng lớn tâm châu lục. Từ nhà Tông đên nay, Trung Quốc có tất cả 25 bản Đại tạng, riêng nhà Tống đã có đến 8 bản Đại tạng khác nhau. Bản Đại tạng khắc gỗ đầy đủ đầu tiên của Trung Quốc được đặt tên là Khai Bảo tạng, hoàn thành năm 983. Cao Ly (tên gọi Triều Tiên từ thế kỷ X-XIV) có ba lần khắc Đại tạng, trong đó Bát vạn Đại tạng kinh (còn gọi là Cao Ly Đại tạng kỉnh) nổi tiếng với trên 81.000 phiến gỗ, khắc vao thế kỷ XI, đang được bảo tồn cẩn trọng tại Hải Ấn tự. Nhật Bản tiếp nhận suối nguồn Phật giáo khá trễ, có 9 bản Đại tạng. Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh (Taíshõ Shinshũ Daizõkyõ,)do Takakusu Junjiro, Watanabe Kaikyoku và các cộng sự viên thực hiện, gồm 100 tập, dựa trên các bản của Đại tạng kinh Trung Hoa và Cao Ly, tạo nên một bản Đại tạng kinh Phật giáo Bắc truyền hoàn chỉnh

LỜI NÓI ĐẦU xix

nhất cho đến năm 1934. Mông cổ và Tây Tạng đều có Đại tạng riêng. Đại tạng Tây Tạng cũng đã trải qua 12 lần khắc bản, được in ấn khác nhau và bộ hiện nay ration với 73 triệu chữ chia làm hai phân: Kangyur (Kinh tạng - Luật tạng) và Tengyur (Luận tạng). Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam có điểm xuất phát từ thời còn chia sẻ chung một dạng văn tự với người Hán, phục vụ cho Phật giáo của cả một khu vực địa lý văn hóa rộng lớn, bao gồm nhiều quốc gia, dân tộc. ở Việt Nam, nhà Đinh đã bắt đầu việc khắc kinh trên đá. Đen thời nhà Lý? việc khắc mộc bản khởi sự và hoàn thành một phần vào năm 1126, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ. Vào năm 1311 (Tân Hợi), niên hiệu Himg Long nhà Trần, Tôn giả Pháp Loa và Thiên sư Bảo Sái phụng chiêu Vua Trân Anh Tông đảm trách công trình cap quốc gia là khắc gỗ Đại tạng kinh. Trải qua những biến thiên của lịch sử? thế hệ chư cổ đức đã hết lòng truyền trì đạo mạch. Có những giai đoạn lịch sử, công trình phiên dịch và ân hành Đại tạng kinh Việt Nam có biêu hiện dừng lại hãn, nhưng thật ra vẫn được chư Tôn đức tiền hiền âm thầm thực hiện. Lịch sử thực hiện Đại tạng kinh Việt Nam khởi sác trong giai đoạn chân hung Phật giáo giữa thế kỷ XX. Việc phiên dịch, ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam với những mảng lớn hơn và quy mô lớn hơn được triển khai thực hiện, tiêu biểu là Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh phiên dịch Đại tạng Bắc truyền và Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu phiên dịch Đại tạng Nam truyên. Những trung tâm phiên dịch với những dịch giả nôi tiêng cũng xuât hiện, như Trung tâm Phiên dịch Huệ Nghiêm, Trung tâm Phiên dịch Hải Dức, sau này có Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang. Đặc biệt, chư Tôn đức Giáo phàm, quý cư sĩ thiện hữu trí thức tiên bôi và đương thời nôi tiêp công việc phiên dịch các bộ Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, như quý ngài: Hòa thượng Thích Khánh Anh, Hòa thượng Thích Thiện Hoa, Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, Hòa thượng Thích Hành Trụ, Hòa thượng Thích Mật Nguyện, Hòa thượng Thích Trí Quang, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hòa thượng Thích Đỗng Minh, Hòa thượng Thích Phước Hảo, Hòa thượng Thích Tinh Thuận, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Hòa thượng Thích Phước Sơn, Hòa thượng Thích Minh Cảnh, Hòa thượng Thích Đức Thắng, Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám, Cư sĩ Đoàn Trung Còn, Cư sĩ Đào Nguyên, Cư sĩ Định Huệ, Cư sĩ Nguyên Tâm - Trần Phương Lan,... Như vậy, nội dung bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam có sự khác biệt. Các Đại tạng khác chỉ chứa đựng một trong hai hệ thống, Nam truyền hoặc Bác truyên, hoặc có một phân của nhau, nhưng không đây đủ. Trong khi đó, Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam chuyển tải cả hai hệ thống và được bố cục lại. Đối với Tam tạng Nam truyền (Thượng Tọa bộ)5 cấu trúc được giữ nguyên như trong hệ thống Pali Text Society (Chánh kinh, Chú giải,

XX KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

Phụ chú giải). Đối với Bắc truyền, cấu trúc được chia thành hai phần: Bộ phái và Đại thừa, được bố cục lại theo cách phân chia Kinh, Luật, Luận, Sớ giải. Nguồn tư liệu này dựa vào Đại Chảnh tân tu Đại tạng kinh. Ngoài ra, còn có tham khảo thêm nguôn tiêng Sanskrit, tiêng Anh và một sô ngôn ngữ khác. Phần Tục tạng của Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam bao gom các tác phẩm kinh điển do những thế hệ trí thức của Phật giáo Việt Nam trước tác, nối kết liền mạch từ thời sử dụng chữ Hán, Hán Nôm và chữ

Quốc ngữ. Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay tiếp nối tinh thần phiên dịch Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam của chư tiền hiền hữu công, với sự khởi xướng của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu, đã thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam làm cơ sở pháp lý, nền tảng hành chánh cho việc tổ chức nhân SỊT, giúp Giáo hội Phật giáo Việt Nam nâng mức độ hoàn thiện của Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam lên một tầm cao mới, đặt một dấu ấn cho sự hoàn chỉnh trang nghiêm của ngôi báu Pháp bảo. Phiên dịch Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là công việc cần một nguồn nhân lực trí thức và tinh thần làm việc bền bi, đồng thời phải vượt qua những rào cản vê ngôn ngữ, văn hóa và khoảng cách thê hệ. Những dịch giả đỉnh cao ở Trung Quôc như Đạo An, Cưu-ma-la-thập5 Huyên Trang... đêu bày tỏ sự khó khăn khi thực hiện bản Hán dịch. Trong khi đó, độ chính xác của bản Việt dịch nói chung phải dựa trên độ chính xác của bản Hán dịch. Phiên dịch Kinh tạng Pâli cũng không ngoại lệ, khi dựa vào những bản gốc đã được sao chép nhiều lần trước khi in ấn. May thay, với sự tiến bộ của thời đại? một số rào cản ngôn ngữ trong các để bản đã được giải mã và phản ánh trong các bản dịch mới trong Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. Sự vượt qua những khó khăn trên nhờ vào sự phát triển của mạng lưới thông tin toàn cầu, nguồn tham khảo phong phú, kỹ thuật tra cứu tiên tiến. Mặt khác, Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam phản ánh việc đinh hình được một bộ thể lệ quy chuẩn, làm cơ sở tham chiếu cho việc biên tập và dịch bổ sung, song song với việc xây dựng một bộ thuật ngữ thiết yếu và chuyên sâu. Tất cả đều góp phần đáng kể cho tính hệ thống, tính nhất quán khoa học, nâng cao giá trị hàn lâm của Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. 9

Tam tạng Thảnh điên Phật giáo Việt Nam mở ra một triên vọng mới cho những tác phẩm hậu kỳ như tóm tát, tân giải, đồ giải hay làm tiền đề cho những công trình hỗ trợ tiện ích theo sau: Tổng mục lục, Đại từ điển Thuật ngữ, Lịch sử hình thành Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam. Ngoài ấn bản mang tính thiêng liêng của hiện tiền Pháp bảo được thực hiện trang nghiêm với chất liệu cao cấp, thiết kế mẫu mực, kỹ thuật in ấn tiên tiến, chứa đựng nội dung và văn pháp như đã được giới thiệu ở trên, Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam còn thực hiện bản số hóa làm tăng

thêm khả năng đồng bộ9 lan tỏa rộng khắp, khả năng tiếp cận và tham khảo nhanh chóng, hướng đến những tiêu chí học thuật hàn lâm tối ưu. Bộ Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam ra đời lần này là kết tinh từ các bậc Tô su, các bậc chân tu thật học, nhiêu thê hệ dịch giả, nhà nghiên cứu... Hình ảnh các ngài an nhẫn, kiên định, tận tụy, cần mẫn dịch từng trang kinh, chọn lựa từng chữ, cân nhắc từng thuật ngữ Phật học, đối khảo các bản dịch, bổ sung từng cước chú, nhuận sắc từng dấu chấm phẩy, để đảm bảo "văn nghĩa đầy diỉ" một cách tốt đẹp nhất, luôn là nguồn động lực khích lệ cho các thế hệ Tăng Ni và Phật tử tiếp bước noi theo. Hơn bảy thập niên trôi qua, các nhà phiên dịch Tam tạng ngày đêm âm thầm làm việc, đã đóng góp vào kho tàng văn học Phật giáo, tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam, làm cho Pháp bảo được lưu

bố ở nhân gian, công đức ây đang ân tàng trong từng con chữ, trong nhiêu chục triệu con chữ của ân bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam lần này thật bất khả tư nghì. Việc phiên dịch và ấn hành Pháp bảo này thành tựu còn được sự yểm trợ, ủng hộ nhiệt tình của chư Tôn đức Tăng Ni và các mạnh thường quân cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước, từ quá khứ đến hiện tại. Xin thành kính tri ân công đức của quý liệt vị. Thành kính cúng dâng ấn phẩm Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam này lên mười phương chư Phật, chư Tôn Bồ-tát, liệt vi Tổ su, chư vị Tôn đức dịch giả và hiện tiền chư Tôn đức Giáo phẩm chứng minh. Thành tâm hồi hướng công dức, nguyện câu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyên, quốc thái dân an, pháp giới hữu tình ân triêm lợi lạc.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.20Ỉ9 Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN (Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam)

MỤC LỤC LỜI CHÚNG MINH..... ix LỜI GIỚI THIỆU..... xi LỜI NÓI ĐẦU..... xvii MỤC LỤC..... xxiii BẢNG VIẾT TẮT..... xxxix DẪN LUẬN..... xlv

TĂNG NHẤT A-HÃM 1. PHẨM TƯA..... l 2. PHẨM MƯỜI NIỆM..... 15 1. NIỆM PHẬT..... 15 2. NIỆM PHÁP..... 15 3. NIỆM TĂNG..... 16 4. NIỆM GIỚI..... 16 5. NIỆM THÍ..... 17 6. NIỆM THIÊN..... 17 7. NIỆM TỊCH LẶNG..... 17 8. NIỆM HƠI THỞ..... 18 9. NIỆM THÂN VÔ THƯỜNG..... 18 10. NIỆM Sự CHẾT..... 19 3. PHẨM GIẢNG RỘNG [MƯỜI NIỆM]..... 21 1. CÔNG ĐỨC NIỆM PHẬT.....21 2. CÔNG ĐỨC NIỆM PHÁP..... 22 3. CÔNG ĐỨC NIỆM TĂNG.....23 4. CÔNG ĐỨC NIỆM GIỚI..... 25 5. CÔNG ĐỨC NIỆM THÍ..... 26 6. CÔNG ĐỨC NIỆM THIÊN..... 27

7. CÔNG ĐỨC NIỆM TỊCH LẶNG..... 28 8. CÔNG ĐỨC NIỆM HƠI THỞ..... 29 9. CÔNG ĐỨC NIỆM THÂN..... 30 10. CÔNG ĐỨC NIỆM Sự CHẾT..... 31 4. PHẨM ĐỆ TỬ.....33 1. TỲ-KHEO KIÊU-TRẦN-NHƯ VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG..... 33 2. TỲ-KHEO MÃ sư VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG..... 34 3. TỲ-KHEO QUÂN-ĐẦU-BA-MẠC VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG..... 35 4. TỲ-KHEO HỒ NGHI LY-VIẾT VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG..... 36 5. TỲ-KHEO BÀ-CÂƯ-LA VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG..... 37 6. TỲ-KHEO THI-BÀ-LA VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG..... 37 7. TỲ-KHEO THÍCH VƯƠNG VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG..... 38 8. TỲ-KHEO ƯƠNG-QƯẬT-MA-LA VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG..... 39 9. TỲ-KHEO PHẠM-MA-ĐẠT VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG.....40 10. TỲ-KHEO NA-GIÀ-BA-LA VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG..... 40 5. PHẨM TỲ-KHEO-NI..... 43 1. TỲ-KHEO-NI ĐẠI ÁI ĐẠO VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG.....43 2. TỲ-KHEO-NI BÀ-ĐÀ CA-TỲ-LY VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG..... 44 3. TỲ-KHEO-NI vô ÚY VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG..... 44 4. TỲ-KHEO-NIƯU-CA-MA VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG..... 45 5. TỲ-KHEO-NIĐÀM-MA-ĐỀ VÀ CÁC VỊ TỐI THẮNG..... 46 6. PHẨM NAM Cư Sĩ.....47 1. THƯƠNG KHÁCH TAM QUẢ VÀ CÁC cư sĩ TỐI THẮNG.....47 2. PHẠM CHÍ SANH LẬU VÀ CÁC cư sĩ TỐI THẮNG..... 47 3. VUA TỲ-SA VÀ CÁC cư sĩ TỐI THẮNG..... 48 4. TRƯỞNG GIẢ BẤT-NI VÀ CÁC cư sĩ TỐI THẮNG..... 49 7. PHẨM NỮ Cư Sĩ..... 51 1. NỮCƯ Sĩ NAN-ĐÀ NAN-ĐÀ-BÀ-LA VÀ NHỮNG Nữ Cư Sĩ TỐI THẮNG..... 51 2. PHU NHÂN MA-LỢI VÀ NHỮNG NỮ cư sĩ TỐI THẮNG..... 51 3. NỮ Cư SĨ VÔ ƯU VÀ NHỮNG NỮ cư sĩ TỐI THẮNG.....52 8. PHẨM A-TU-LA..... 55 1. A-TU-LA..... 55 2. LỢI ÍCH..... 56

3. NHƯ LAI..... 56 4. ÁNH SÁNG..... 57 5. TĂM TỐI..... 57 6. ĐẠO PHẨM..... 58 7. MẤT HẲN..... 58 8. LÒNG TIN..... 59 9. HƯNG THỊNH..... 59 10. KHÔNG GÌ SÁNH BẰNG.....60 9. PHẨM MÔT ĐỨA CON..... 61 1. ƯU-BÀ-DI DẠY CON TRAI..... 61 2. ƯU-BÀ-DI DẠY CON GÁI.....62 3. TÂM NHANH NHẠY..... 63 4. TÂM VÔ

THƯỜNG..... 63 5. ĐỌA LẠC..... 64 6. SANH THIÊN..... 64 7. SẮC NỮ..... 65 8. SẮC NAM..... 66 9. DỤC TƯỞNG (1)..... 66 10. DỤC TƯỞNG (2)..... 67 10. PHẨM HÔ TÂM..... 69 1. KHÔNG BUÔNG LUNG..... 69 2. KHÔNG BUÔNG Bỏ THIỆN PHÁP..... 70 3. THÍ CHỦ VÀ TỲ-KHEO..... 70 4. NGƯỜI THÍ VÀ NGƯỜI THỌ THÍ ĐỀU TÔN QUÝ..... 72 5. BỐ THÍ BÌNH ĐẲNG (1)..... 74 6. BỐ THÍ BÌNH ĐẲNG (2)..... 75 7. TẠO PHƯỚC..... 75 8. MA BA-TUẦN..... 76 9. ĐƯỜNG Dữ.....77 10. MỘT NGƯỜI..... 77 11. PHẨM BẤT HOÀN.....79 1. THAM DỤC VÀ A-NA-HÀM.....79 2. SÂN HẬN VÀ A-NA-HÀM..... 79 3. NGU SI VÀ A-NA-HÀM..... 80

4. XAN THAM VÀ A-NA-HÀM..... 80 5. TÂM KHÓ HÀNG PHỤC..... 81 6. TÂM DỄ HÀNG PHỤC..... 81 7. ĐẮM NHIỄM ĂN UỐNG..... 81 8. ĐẮM NHIỄM TÀI VẬT..... 82 9. ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA(l).....82 10. ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA (2)..... 83 12. PHẨM NHẤT NHẬP ĐẠO..... 87 1. KINH NIỆM XỨ..... 87 2. GANH GHÉT VÀ Đố KỴ..... 93 3. TÔN KÍNH, THỪA sự NHƯ LAI..... 93 4. CHÀM SÓC BỆNH..... 93 5. KHEN NGỢI VÀ CHÊ BAI.....94 6. TÔN GIẢ ĐẠI CA-DIẾP..... 96 7. ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA THAM LỢI DƯỠNG..... ..... 97 8. ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA TẠO NGŨ NGHỊCH..... 98 9. LỢI DƯỠNG HỦY HOẠI sự NGHIỆP..... 99 10. TỲ-KHEO SƯ-LỢI-LA ..... 99 13. PHẨM LỢI DƯỠNG..... 101 1. Bỏ ĐẠO VÌ LỢI

DƯỠNG..... 101 2. THAM VỊ NGON..... 102 3. KẺ ĐI TÌM CON..... 102 4. THÂN BỆNH, TÂM KHÔNG BỆNH..... 107 5. VÍ DỤ TẤM VẢI..... 110 6. NGHIỆP THIỆN..... 114 7. ĐẾ-THÍCH THĂM BỆNH..... 115 14. PHẨM NGŨ GIỚI..... 119 1. SÁT SANH..... 119 2. KHÔNG SÁT SANH..... 119 3. TRỘM CƯỚP..... 120 4. BỐ THÍ.....120 5. TÀ DÂM..... 121 6. KHÔNG TÀ DÂM..... 121 7. NÓI DỐI..... 122

8. KHÔNG NÓI DỐI..... 122 9. UỐNG RƯỢU..... 123 10. KHÔNG UỐNG Rượu..... 123 15. PHẨM HỮU VÔ..... 125 1. DỨT TRỪ HAI KIẾN..... 125 2. XẢ Bỏ HAI KIẾN..... 126 3. HAI LOẠI BỐ THÍ..... 126 4. HAI LOẠI NGHIỆP..... 127 5. HAI LOẠI AN.....127 6. HAI TƯỚNG.....127 7. TRÍ TUỆ VÀ DIỆT TẬN..... 128 8. Lực VÀ VÔ ÚY..... 128 9. NHƯ LAI..... 129 10. CHÁNH KIẾN..... 129 16. PHẨM LỬA TẮT..... 131 1. TÔN GIẢ NAN-ĐÀ..... 131 2. NIẾT-BÀN GIỚI..... 134 3. VÍ DỤ LOÀI QUẠ..... 135 4. VÍ DỤ CON LỪA..... 136 5. THIỆN VÀ BẤT THIỆN..... 137 6. HAI PHÁP..... 138 7. PHÁP SOI SÁNG..... 139 8. HAI Lực..... 140 9. TÔN GIẢ A-NA-LUẬT..... 140 10. PHẬT DẠY LA-VẪN..... 143 17. PHẨM QUÁN NIỆM HƠI THỞ..... 145 1. TÔN GIẢ LA-VẦN CHÚNG

A-LA-HÁN..... 145 2. NHƯ LAI VÀ CHUYỂN LUÂN..... 149 3. ĐỘC GIÁC VÀ A-LA-HÁN..... 149 4. HAI PHÁP GÂY PHIỀN NÃO..... 150 5. TÀ KIẾN..... 150 6. CHÁNH KIẾN LÀ THÙ THẮNG..... 151 7. THAM DỤC..... 151 8. HAI LOẠI NGƯỜI..... 155

xxviii KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

9. CHÂN NHÂN..... 157 10. CHÂU-LỢI-BÀN-ĐẶC GIÁO HÓA..... 159 11. NGƯỜI DẪN ĐÀU.....162 18. PHẨM TÀM QUÝ..... 165 1. TÀM QUÝ..... 165 2. CẤT GIẤU VÀ BỐ THÍ ..... 165 3. THỪA Tự PHÁP..... 167 4. TÔN GIẢ CA-DIẾP.....170 5. THẾ TÔN HÀNG PHỤC VOI DỮ..... 173 6. TỲ-KHEO NAN-ĐÀ.....177 7. HÓA ĐỘ NAN-ĐÀ..... 178 8. ĐẠI ÁI ĐẠO.....183 9. PHỈ BÁNG VÀ KHÔNG PHỈ BÁNG..... 183 10. KHEN NGỢI ĐÚNG PHÁP..... 184 19. PHẨM KHUYẾN THỈNH..... 185 1. PHẠM THIÊN KHUYẾN THỈNH..... 185 2. HAI cực ĐOAN..... 186 3. ĐOẠN ÁI DỤC..... 187 4. HAI HẠNG KHÔNG sợ HÃI..... 190 5. ĐIỀU KIỆN ĐỂ CÓ TRÍ TUỆ..... 191 6. TÀI SẢN..... 191 7. NGHÈO KHỔ VÀ HÀO TỘC..... 192 8. PHẠM NỮ TU-THÂM..... 192 9. TÔN GIẢ CA-CHIÊN-DIÊN.....193 10. THUYẾT PHÁP..... 195 11. AM-BÀ-BÀ-LỢI..... 196 20. PHẨM THIỆN TRI THỨC..... 199 1. THIỆN TRI THỨC..... 199 2. ÁC TRI THỨC..... 199 3. TÔN GIẢ ĐÀM-MA-LƯU-CHI.....200 4. THÍ DỤ..... 208 5. BÁO ĐÁP.....209 6. TINH TẤN..... 209 7. CHỈ VÀ

QUÁN..... 210

8. TỲ-KHEO A-LAN-NHÃ..... 211 9. HAI HẠNG NGƯỜI..... 211 10. HAI PHÁP BỐ THÍ..... 213 11. HAI BẬC ÂN NẶNG..... 213 12. HAI ANH EM CHÂU-LỢI-BÀN-ĐẶC.....214 13. LUYẾN ÁI..... 215 21. PHẨM TAM BẢO..... 217 1. BA ĐỨC TAM BẢO..... 217 2. BA PHƯỚC NGHIỆP..... 218 3. NHÂN DUYÊN THỌ THAI..... 220 4. BA NƠI NƯƠNG TỰA..... 221 5. TỲ-KHEO CÙ-BA-LY..... 222 6. TU TẬP BA PHÁP..... 224 7. BA CHÚNG BỆNH NẶNG..... 226 8. BA NGHIỆP..... 226 9. NGUY HẠI CỦA DỤC..... 227 10. KHÔNG BỀN CHẮC..... 233 22. PHẨM BA BẬC CÚNG DƯỜNG..... 235 1. BA BẬC CÚNG DƯỜNG..... 235 2. BA GỐC LÀNH..... 236 3. BA LOẠI CẢM THỌ..... 236 4. CHE KHUẤT VÀ HIỂN LỘ..... 237 5. BA TƯỚNG HỮU VI ..... 238 6. BA VIỆC CỦA NGƯỜI TRÍ..... 238 7. BA PHÁP HIỀN THÁNH..... 240 8. BA ĐIỀU TRÁN QUÝ..... 241 9. BA LOẠI TẬP KHÍ..... 241 10. BA VIỆC KHÔNG BIẾT ĐỦ..... 242 23. PHẨM ĐỊA CHỦ..... 245 1. VUA ĐỊA CHỦ..... 245 2. TÔN GIẢ BÀ-CÂU-LƯ..... 253 3. NHỊ THẬP ỨC NHĨ..... 255 4. TRƯỞNG GIẢ BÀ-ĐỀ..... 257 5. BA LOẠI HƯƠNG..... 260

6. ÁC TRI THỨC ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA..... 261 7. LỢI DƯỠNG..... 263 8. GỐC RỄ THIỆN VÀ BẤT THIỆN..... 264 9. BA Tư..... 264 10. BA NIỆM TƯỞNG..... 265 24. PHẨM CAO

TRÀNG..... 267 1. NGỌN CỜ
ĐẾ-THÍCH..... 267 2. ÁC QUỶ
TỲ-SA..... 268 3. ĐẤNG PHÁP
VƯƠNG..... 274 4. CHÚT ĐẤT ĐẦU MÓNG
TAY..... 275 5. CHUYÊN PHÁP
LUÂN..... 277 6. TRAI
GIỚI..... 299 7. BA Sự XUẤT
HIỆN..... 305 8. VUA TRƯỜNG
THỌ..... 306 9. BA KIẾT
SỬ..... 318 10. BA LOẠI
TAM-MƯỘI..... 319 25. PHẨM BỐN CHÂN
LÝ..... 321 1. BỐN CHÂN
LÝ..... 321 2. BỐN PHÁP LỢI
ÍCH..... 322 3. PHÁP HY HŨXJ
..... 323 4. GÁNH
NẶNG..... 324 5. BỐN HÌNH THỨC THỌ
SANH..... 325 6. KIẾT
SỬ..... 326 7. BỐN LOẠI TRÁI
CÂY..... 331 8. GIÓ
LỐC..... 332 9. BỐN LOẠI
CHIM.....333 10. BỐN LOẠI
MÂY..... 334 26. PHẨM BỐN Ý
ĐOẠN..... 337 1. BỐN Ý
ĐOẠN..... 337 2. PHÁP KHÔNG BUÔNG
LUNG..... 337 3. HẠNH KHÔNG BUÔNG
LUNG.....338 4. TU BỐN Ý
ĐOẠN..... 339 5. BỐN HẠNG
NGƯỜI..... 339 6. THÂN THÊ VÔ
THƯỜNG..... 342

7. PHÁP DỨT TRỪ BUỒN ĐAU ..... 345 8. BỐN PHÁP NỀN
TẢNG..... 349 9. XÁ-LỢI-PHẤT
NIẾT-BÀN..... 349 10. TÔN GIẢ
BÀ-CA-LÊ..... 360 27. PHẨM CÙNG HƯỚNG VÈ
BỐN sự THẬT..... 363 1. BỐN Sự
THẬT..... 363 2. BỐN CHẤP
THỦ..... 364 3. PHƯỚC BÁU BỐ
THÍ..... 368 4. BỐN PHÁP VÍ
DỤ..... 370 5. BỐN PHÁP NỀN
TẢNG..... 370 6. BỐN VÔ SỞ
ÚY..... 371 7. BỐN HẠNG BẬC
NHẤT.....372 8. BỐN TÂM VÔ

LƯỢNG..... 373 9. BỐN CÁCH BỐ THÍ..... 375 10. BỐN BẬC ĐÁNG TÔN QUÝ..... 375 28. PHẨM THANH VÃN..... 377 1. ĐỘ BẠT-ĐỀ, NAN-ĐÀ..... 377 2. BỐN Sự CHE LẤP..... 387 3. BỐN LOẠI TÒA NGỒI..... 388 4. PHẠM CHÍ LỘC ĐÀU..... 390 5. BỐN GIÁO PHÁP LỚN..... 397 6. TRƯỚC KHỔ SAU VUI..... 399 7. BỐN HẠNG SA-MÔN..... 401 29. PHẨM KHỔ VUI.....403 1. TRƯỚC VUI SAU VUI..... 403 2. THÂN TÂM ĐỀU VUI..... 406 3. BỐN PHƯỚC CỦA PHẠM THIÊN..... 407 4. BỐN LOẠI THỨC ĂN..... 408 5. BỐN LOẠI BIỆN TÀI..... 409 6. BỐN ĐIỀU KHÔNG THÊ NGHĨ BÀN..... 410 7. BỐN THẦN TÚC.....413 8. ĐẮM TRƯỚC TỨ Sự..... 413 9. CON DÒNG HỌ THÍCH.....415 10. BỔN PHẠM ĐƯỜNG..... 416

xxxii KINH TẢNG NHẤTA-HÀM

30. PHẨM TU-ĐÀ..... 417 1. SA-DI TU-ĐÀ..... 417 2. SA-DI TU-MA-NA..... 419 3. THIẾU Nữ TƯ-MA-ĐỀ..... 420 31. PHẨM TĂNG THƯỢNG.....437 1. HẠNH A-LAN-NHÃ..... 437 2. VUA ƯU-ĐIỀN HỌC THIỀN..... 442 3. BỐN CON ĐƯỜNG Tư HÀNH..... 445 4. BỐN PHÁP ẤN..... 447 5. BỐN KHU VƯỜN VÀ AO TẮM..... 448 6. RẮN ĐỘC VÀ CÁC VÍ DỤ..... 450 7. TU TẬP VÀ TÁI SANH..... 452 8. KHỔ HẠNH CỦA THẾ TÔN..... 454 9. BỐN NIỀM VUI.....458 10. VÔ THƯỜNG..... 460 11. KHÔNG TRANH TỤNG..... 462 32. PHẨM THIỆN TỤ..... 465 1. NÀM CẢN..... 465 2. NĂM TRIỀN CÁI..... 466 3. CÔNG ĐỨC LỄ

PHẬT..... 466 4. HÌNH PHẠT TRONG ĐỊA NGỤC..... 467 5. THỌ TUẾ.....474 6. NĂM TƯỚNG SUY HAO..... 478 7. KINH DỨT TRỪ BUỒN LO..... 482 8. NGƯỜI BỆNH..... 487 9. NGƯỜI NUÔI BỆNH..... 488 10. CÔNG ĐỨC BỔ THÍ..... 489 11. NĂM PHÁP BỐ THÍ..... 491 12. BỐ THÍ ĐÚNG THỜI..... 491 33. PHẨM NĂM VUA..... 493 1. NĂM VUA ..... 493 2. TÔN GIẢ THI-BÀ-LA..... 496 3. NAM HẠNG CHIẾN sĩ..... 508 4. CHIẾN Sĩ VÀ TỲ-KHEO..... 510

5. QUÉT ĐẤT..... 512 6. QUÉT THÁP..... 513 7. DU HÀNH..... 513 8. CHƯỚNG NGẠI KHI TRỤ LÂU MỘT CHỖ..... 514 9. LỢI ÍCH KHI KHÔNG TRỤ LÂU MỘT CHỖ..... 514 10. CÂY KHÔ CHÁY..... 515 34. PHẨM ĐẲNG KIẾN..... 519 1. TỲ-KHEO NÊN Tư DUY.....519 2. VƯƠNG NẠN TỲ-LƯU-LY..... 520 3. KHI MÃN PHƯỚC TRỜI.....532 4. NĂM PHÁP KHINH CHÊ..... 533 5. THỪA Sự NHƯ LAI..... 533 6. NĂM VIỆC KHÓ CẦU..... 542 7. NĂM HẠNG NGƯỜI..... 542 8. TỲ-MA-CHẤT-ĐA..... 543 9. PHÁP DIỆT TẬN..... 544 10. PHẠM CHÍ SANH LẬU.....545 35. PHẨM TÀ TỤ..... 547 1. NHẬN BIẾT XẤU - TỐT..... 547 2. VIỆC CỦA NHƯ LAI..... 548 3. BỐ THÍ KHÔNG Được PHƯỚC VÀ Được PHƯỚC..... 549 4. SỨC MẠNH CỦA NGƯỜI NỮ..... 549 5. ƯỚC VỌNG CỦA NGƯỜI NỮ..... 550 6. LỄ LẠY ĐÚNG LÚC..... 551 7. PHƯỚC BÁU CÚNG NƯỚC ..... 552 8. DIỆT TÂM THAM DỤC.....554 9. NGUỒN GỐC CỦA

DỤC..... 556 10. TÔN GIẢ TÀNG-CA-MA..... 558 36. PHẨM NGHE PHÁP..... 563 1. NGHE PHÁP ĐÚNG THỜI..... 563 2. TẠO LẬP NHÀ TẮM..... 563 3. CÚNG TĂM XỈA RĂNG..... 564 4. NGHIỆP GIẾT HẠI ..... 564 5. DU THIÊN PHÁP BỔN..... 565

37. PHẨM SÁU PHÁP QUÝ TRỌNG..... 583 1. SÁU PHÁP QUÝ TRỌNG..... 583 2. THI TRIỂN THẦN THÔNG..... 584 3. VƯỜN NGƯU Sư TỬ..... 590 4. SÁU ĐỨC CỦA BỐ THÍ..... 594 5. NAM PHẦN PHÁP THÂN..... 595 6. PHÁP SÁM HỐI..... 597 7. PHÁP TỐI THƯỢNG..... 600 8. PHẠM CHÍ SANH LẬU (1)..... 603 9. PHẠM CHÍ SANH LẠU (2)..... 604 10. NLKIỀN TỬ TÁT-GIÁ ..... 606 38. PHẨM SỨC MẠNH..... 615 1. SÁU SỨC MẠNH.....615 2. VÔ THƯỜNG TƯỞNG..... 615 3. PHẬT LÀ AI?..... 616 4. MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN..... 618 5. TÔN GIẢ A-NA-LUẬT BỊ MÙ..... 620 6. ƯƠNG-QUẬT-MA-LA..... 622 7. CÁC TÊN GỌI CỦA NÚI KỲ-XÀ QUẬT..... 633 8. SÁU SINH VẬT..... 635 9. BẬC ĐỘC GIÁC THIỆN MỤC..... 636 10. SÁU CÔNG ĐỨC..... 638 11. ĐẠI DỊCH THÀNH TỲ-XÁ-LY.....642 12. SAU NHẬP..... 650 39. PHẨM ĐẲNG PHÁP..... 651 1. BẢY PHÁP TỐI THƯỢNG..... 651 2. CÂY TRÚ ĐỘ..... 654 3. BẢY VÍ DỤ VỀ NƯỚC..... 655 4. THÀNH LŨY ở BIÊN CƯƠNG..... 657 5. BẢY TRÚ XỨ CỦA THỨC..... 659 6. BỆNH TẬT VÀ BẢY GIÁC CHI.....660 7. BẢY GIÁC CHI VÀ BẢY BÁU..... 662 8. CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG..... 662 9. ĐÀO NÚI..... 668 10. TÔN GIẢ MÃN

NGUYỆN TỬ..... 669

40. PHẨM BẢY MẶT TRỜI .....675 1. KIẾP THÀNH, KIẾP HOẠI..... 675 2. BẢY PHÁP BẤT THOÁI.....683 3. BẢY GIÁC CHI..... 686 4. BẢY HẠNG NGƯỜI..... 688 5. MƯỜI PHÁP QUÁN NIỆM..... 689 6. PHÁP THANH TỊNH TẤT CẢ LẬU HOẶC..... 693 7. BẢY PHƯỚC ĐỨC ..... 697 8. TƯỞNG VỀ Sự CHẾT..... 699 9. THIÊN SƯA-TƯ-ĐÀ..... 701 10. PHÁP VỊ CAM LỘ ..... 703 41. PHẨM ĐỪNG SỢ HÃI..... 707 1. THÍCH TỬ MA-HA-NAM..... 707 2. TÔN GIẢ NA-GIÀ-BA-LA..... 709 3. PHÁP THƯỢNG NHÂN..... 712 4. THÁNH ĐẠO TÁM CHI.....713 5. PHÓ CHÚC PHÁP BẢO .....715 42. PHẨM TÁM NẠN.....719 1. TÁM NẠN:..... 719 2. TÁM ĐỊA NGỤC.....721 3. HÀNH TRÌNH CUỐI CÙNG CỦA ĐỨC PHẬT.....725 4. TÁM PHÁP CỦA BIỂN ..... 739 5. ĐẤT RUNG CHUYỂN..... 742 6. TÁM ĐIỀU SUY NIỆM..... 743 7. TÁM LOẠI HỘI CHÚNG .....746 8. TRƯỞNG GIA CẤP cô ĐỘC..... 747 9. TÁM CÁCH BỐ THÍ..... 748 10. ĐƯỜNG ĐẾN ĐỊA NGỤC VÀ NIẾT-BÀN..... 749 43. PHẨM THIÊN TỬ MÃ HUYẾT HỎI VỀ TÁM CHI THÁNH ĐẠO..... 751 1. THIÊN TỬ MÃ HUYẾT..... 751 2. TÁM PHÁP TRAI GIỚI..... 754 3. KHÚC GỖ TRÔI SÔNG..... 761 4. LÕI CÂY.....763 5. VÍ DỤ CHIẾC BÈ.....765

6. NGƯỜI CHĂN BÒ..... 771 7. KHÔNG CÓ TÍN CĂN.....773 8. TÁM PHÁP XOAY CHUYỂN..... 782 9. KHÔNG ĐẮM NHIỄM..... 782 10. TÁM HẠNG NGƯỜI..... 783 44. PHẨM CHÍN NƠI cư TRÚ CỦA

CHÚNG SANH..... 785 1. CHÍN NƠI Cư TRÚ..... 785 2. CHÍN PHÁP BỐ THÍ..... 786 3. CHÍN PHÁP XẤU ÁC..... 787 4. CHÍN PHÁP LÀNH..... 788 5. CHÍN PHÁP TRÓI BUỘC..... 790 6. NGUỒN GỐC CÁC PHÁP.....790 7. THẾ TÔN CHĂM SÓC BỆNH..... 792 8. CHÍN BẬC CÚNG DƯỜNG..... 796 9. THẦN Lực CỦA CHÂU-LỢI-BÀN-ĐẶC..... 796 10. MỘT NỬA PHẠM HẠNH..... 800 11. TÂM TÁNH CHÚNG SANH..... 801 45. PHẨM MÃ VƯƠNG..... 803 1. THƯƠNG NHÂN TÌM CHÂU BÁU..... 803 2. CHÍN PHÁP LỢI ÍCH..... 807 3. LỢI DƯỠNG VÀ TRÚ xứ..... 811 4. CHÍN LOẠI THỨC ĂN..... 812 5. TÂM TỪ..... 815 6. ĐỊNH KHÔNG..... 817 7. TRƯỞNG GIẢ THI-LỢI-QUẬT..... 819 46. PHẨM KẾT CẤM.....825 1. GIỚI CẤM.....825 2. TRÚ XỨ CỦA HIỀN THÁNH..... 825 3. PHÁP DUYÊN KHỞI..... 827 4. MƯỜI Lực VÀ BỐN VÔ ÚY..... 828 5. MƯỜI NIỆM..... 831 6. GẦN GŨI HOÀNG CUNG.....831 7. MƯỜI PHÁP THÀNH Tựu..... 833 8. Ý NGHĨA CỦA MƯỜI PHÁP..... 836

9. MƯỜI TƯỞNG..... 843 10. QUÁN TƯỞNG VỀ DỤC..... 843 47. PHẨM THIỆN Ác.....847 1. ĐƯỜNG ĐẾN CÕI TRỜI, ĐỊA NGỤC VÀ NIẾT-BÀN.....847 2. MƯỜI PHÁP..... 848 3. PHÂN BIỆT BỐ THÍ..... 848 4. TỤC LUẬN VÀ ĐẠO LUẬN..... 850 5. HAI VIỆC KHẤT THỰC..... 851 6. LƯA CHỌN NƠI KHẤT THỰC ..... 852 7. THẮP SÁNG GIÁO PHÁP.....854 8. BỐ THÍ THANH TỊNH..... 856 9. TÔN GIẢ ĐẠI QUÂN-ĐẦU..... 859 10. CÁC LOẠI THỌ

MẠNG.....861 48. PHẨM MƯỜI ĐIỀU BẤT THIỆN.....865 1. MƯỜI NGHIỆP ÁC ..... 865 2. THUYẾT GIỚI..... 866 3. DI-LẶC HẠ SANH.....871 4. NÓI VỀ DANH HIỆU PHẬT ..... 877 5. TRƯỞNG GIẢ Sư TỬ .....882 6. CHÁNH ĐỊNH KIM CANG..... 887 49. PHẨM CHAN BÒ..... 891 1. PHÁP CHĂN BÒ ..... 891 2. PHÁP KHỔ HẠNH..... 894 3. CĂN TÁNH TƯƠNG ƯNG..... 896 4. TƯỢNG XÁ-LỢI-PHẤT ..... 899 5. PHÁP NHÂN DUYÊN..... 904 6. LUẬN VỀ CHỦNG TỘC..... 907 7. NGOI AN MỘT BỮA..... 916 8. HẠNH SA-MÔN..... 920 9. ĐÈ-BÀ-ĐẠT-ĐA SÁM HỐI..... 922 10. PHƯỚC BÁU CỦA LÒNG TỪ.....935 50. PHẨM LỄ TAM BẢO..... 937 1. KÍNH LỄ THÁP..... 937 2. KÍNH LỄ PHÁP 937

3. KÍNH LỄ TĂNG.....938 4. VUA ĐẠI THIÊN ..... 939 5. TỘI BÁO ĐỊA NGỤC.....953 6. NĂNG Lực CỦA NHƯ LAI ..... 955 7. NƯƠNG TỰA DÒNG THÁNH..... 958 8. TỲ-KHEO MẬU-LA-PHÁ-QƯẦN ..... 959 9. KIẾP SỐ ..... 962 10. NÚI KỲ-XÀ QUẬT ..... 963 51. PHẨM VÔ THƯỜNG..... 965 1. NƯỚC MẮT CỦA CHÚNG SANH ..... 965 2. MÁU HUYẾT CỦA CHÚNG SANH..... 966 3. TU-BỒ-ĐỀ ..... 966 4. TIN KÍNH TAM BẢO ..... 974 5. CÔNG ĐỨC TRÌ GIỚI ..... 977 6. PHÁP MÔN LỬA CHÁY.....977 7. PHƯƠNG TIỆN ĐỘ CON..... 978 8. TRƯỞNG GIẢ CẤP CÔ ĐỘC LÂM CHUNG ..... 982 9. BỐN HẠNG vợ .....987 10. HÀNG PHỤC TẦM..... 989 52. PHẨM ĐẠI ÁI ĐẠO NHẬP

NIẾT-BÀN..... 991 1. ĐẠI ÁI ĐẠO NHẬP NIẾT-BÀN ..... 991 2. TỲ-KHEO-NI BÀ-ĐÀ ..... 997 3. KIẾP SỐ DÀI LÂU..... 1004 4. KIẾP VỮNG CHÃI NHƯ NÚI ĐÁ.....1005 5. NGHE PHÁP ĐÚNG THỜI..... 1006 6. BỐ THÍ BÌNH ĐẲNG..... 1006 7. VUA BA-TƯ-NẶC Bố THÍ ..... 1009 8. NGHIỆP BÁO..... 1013 9. GIẢI MỘNG CHO VUA BA-TƯ-NẶC..... 1018

PHỤ LỤC l..... 1023 PHỤ LỤC 2..... 1031 SÁCH DẪN..... 1037

BẢNG VIẾT TẮT TÁC PHẨM TIẾNG PÃLI

A. Añguttara Nỉkãya (Kinh Tăng chỉ bô)
AA. AỶiguttaraNikãya Atthakathã (Chủ giải Kinh Tăng chi bô)
Áp. Apadâna (Thảnh nhân ky sự)
ApA. Apadãna Atthakathã (Chú giải Thảnh nhăn kỷ sự)
Asi, Atthasãlinĩ (Chú giải Pháp tụ)
Bvs. Buddhavamsa (Phật sử)
BvsA. Buddhavamsa Atthakathã (Chú giải Phật sử)
CNid. Cũlaniddesa (Tiểu nghĩa thích / Tiểu diễn giải)
CNidA. CũỊaniddesa Atthakathã
{Chu giai Tiêu nghía tnicn Ị Chu giai Tiêu diên giai)
Cp. Cariyãpitaka (Hạnh tạng)
CpA, Cariyãpitaka Atthakathã (Chủ giải Hạnh tạng)
Cv. CũỊavagga (Tiểu phẩm)
Cvs. Cũlavamsa (Tiểu sử)
D Dĩghã Nikãya (Kinh Trường bô)
DA. Dĩghã Nikãya Atthakathã {Chú giải Kỉnh Trường bộ)
Dh Dhammapada (Kinh Pháp cú)
DhA. Dhammapada Atthakathã (Chủ giải Kinh Pháp cú)
Dhs. Dhammasañgañĩ (Pháp tụ)
Dpvs. Dĩpavamsa (Đảo sử)
Gãt. Gãthã (Therã và Therĩ): Trưởng lão Tăng kệ và Trưởng lão Ni kệ ít. Itivuttaka {Kỉnh Phật thuyết như vậy)
ItA. Itỉvuttaka Atthakathã (Chủ giải Kỉnh Phật thuyết như vậy)
J. Jãtaka (.Chuyện Tiền thân)
Kh. Khuddakapãtha (Tiểu tụng)

Kkvt. Kañkhāvitaranī (Giải nghí)
Kv. Kathāvatthu (Luận sự / Những điểm dỉ biệt)
M Majjhimā Nikãya (Kỉnh Trung bộ)
MA. Majjhimā Nikāya Atthakathā (Chủ giải Kinh Trung bô) \ y
A
Mhbv. Mahãbodhỉvamsa (Đại sử vê cây Bô-đê ở Tích Lan) Mhvs. Mahāvamsa (Đại sử) Miln. Milindapañha (Mỉ-tiên vấn đáp / Mỉlinda vấn đạo) MNid. Mahãniddesa (Đại nghĩa thích /Đại diễn giải) MNidA. Mahãnỉddesa Atthakathā (Chú giải Đại nghĩa thích / Chủ giải Đại diễn giải) Mỉ. Mcyjhima Nikāya Tīkā (Phụ chủ giải Kỉnh Trung bộ) Mv. Mahāvagga (Đại phẩm) Nid. Nỉddesa (Nghĩa thích / Diễn giải) NidA. Nỉddesa Atthakathā (Chú giải Nghĩa thích / Chủ giải Diễn giải) Netti. Nettipakarayịa (Chỉ đạo luận / cẩm nang học Phật) Pat. Patthāna (Duyên hệ) Pe. Petakopadesa (Chú thích Kinh tạng / Tìm hiểu Tam tạng) Ps. Patisambhidāmagga (Vô ngại giải đạo /Phân tích đạo) PsA. Patisambhidāmagga Atthakathā (Chú giải Vô ngại giải đạo / Chú giải Phăn tích đạo) Pug. Puggalapañ̃atti (Nhân thi thiết) PugA. Puggalapañ̃atti Atthakathā (Chủ giải Nhân thi thiết) Petavatthu (Nga quỷ sự/ Chuyện nga quỷ) PvA, Petavatthu Atthakathā (Chú giải Ngợ quỷ sự / Chủ giải Chuyện nga quỹ) S. Samyutta Nikâya (Kinh Tương ưng bộ) SA. Samyutta Nikāya Atthakathā (Chủ giải Kỉnh Tương ưng bộ) Sn. Suttanỉpâta (Kinh tập) SnA. Suttanỉpãta Atthakathā (Chú giải Kinh tập) Sum. Sumañgalavilāsinī (Chú giải Kinh Trường bộ) Thag. Theragāthā trưởng lão Tăng kệ) ThagA. Theragāthā Atthakathā (Chủ giải Trưởng lão Tăng kệ) Thĩg. Therīgāthā trưởng lão Nỉ kệ)

ThĩgA. Therīgāthā Atthakathā (Chú giải Trưởng lão Ni kệ)
Thũvs. Thūpavamsa (Biên niên sử chùa tháp Tích Lan)
Ud. Udãna (Kinh Phật tự thuyết / Cảm hứng ngữ)
UdA. Udãna Atthakathā
(Chủ giải Kinh Phật tự thuyết / Chú giải Cảm hứng ngữ)
Uj. Upāsakajanālañkāra (Ưu-bà-tắc trang nghiêm)
Vbh Vibhañga (Phân tích)
VbhA. Vibhañga Atthakathā (Chủ giải Phân tích)
Vin. Vinaya Pitaka (Luật tạng)
VinA. Vinaya Atthakathā (Chú giải Luật tạng)
Vism. Vỉsuddhỉmagga (Thanh tinh đạo)
Vv. Vỉmãnavatthu (Thiên cung sự/ Chuyện thiên cung)
VvA. Vimānavatthu Atthakathā
(Chủ giải Thiên cung sự/ Chủ giải Chuyện thiên cung)
Yam. Yamaka (Song đổi)
TÁC PHẨM TIẾNG SANSKRIT

Divy. Divyãvadãna (Thiên cung sự)

Mhvu. Mahâvastu (Đại sự) ĩ

MPS. Mahāparinirvānasūtra (Kỉnh Đại Bát-niêt-bàri)

TÁC PHẨM TIẾNG ANH BBS. Burmese-script Buddhasāsana Samiti edition of the Majjhimā Nỉkãya (Kinh Trung bộ. phiên bản tiếng Miến, NXB. Buddhasāsana Samiti) BD. Book ofDiscipline (Luật tạng) BI. Buddhist India (Phật giáo Ấn Độ) BPE. Buddhist Manual ofPsychological Ethics (Cẩm nang Tâm ly Đạo đức Phật giáo) Cpd. Compendium ofPhilosophy (Cương yêu Triêt học / Tóm tát và giải thích bộ A bhidhammatthasañgaha) DB. Dialogues of the Buddha (Kinh Trường bộ) Expos. Expositor (Chủ giải Pháp tụ) GS. Gradual Sayings (Kinh Tăng chỉ bộ)

xlii KINH TĂNG NHÁTA-HÀM

KS. Kindred Sayings (Kinh Tương ưng bộ) MB. A Manual ofBuddhism (Cẩm nang Phật giáo) MLS. Middle Length Sayings (Kinh Trung bọ) QKM. Questions ofKing Milinda (Milinda vân đạo) PC. Points of Controversy (Những điểm dị biệt) Pss. Breth. Psalms of the Brethren (Trưởng lão Tăng kệ) Pss. Sis. Psalms of the Sisters (Trưởng lão Ni kệ) SBB. Sacred Books of the Buddhists (Thánh điển Phật giáo) SBE. The Sacred Books of the East (Thánh điển phương Đông)

TÁC PHẨM TIẾNG VIỆT TTTĐPGVN. Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam TTP V. Tam tạng Pali- Việt

KINH THEO ĐẠI CHÁNH TẠNG

ĐCT./Đại./T. Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh ()

N. Nam truyền Đại tạng()

Biệt Tạp. Biệt dịch Tạp A-hàm ()

Tang./EĀ. Tăng nhất A-hàm kỉnh (,Ekottarikāgama)

Tap./SĀ. Tạp A-hàm kinh (9 Samyuktãgamă)

TrungJ MA. Trung A-hàm (,Mādhyamāgama)

Trường./DÃ. Trường A-hàm (,Dĩrghãgamă)

TỪ ĐIỂN BHSD. Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary (Từ điển Phật giáo Sanskrit hon hợp) CPD. Critical Pali Dictionary (Từ điển Biện giải Pali) DPPN. Dictionary ofPali Proper Names (Từ điển Danh từ riêng Pali) EB. Encyclopaedia ofBuddhism (Bách khoa Từ điển Phật giảo) EPD. English-Pāli Dictionary (7z> điển Anh - Pali) ERE. Encyclopedia of Religion and Ethics (Bách khoa Từ điển Tôn giáo và Đạo đức) PED. Pāli-English Dictionary (Từ điển Pali - Anh) PQĐTĐ. Phật Quang đại từ điển

BẢNG VIẾT TẮT xliii

TỔ CHỨC HIỆP HÔI VÀ TẠP CHÍ c ST. Chattha Sañgāyana Tipitaka (Tam tạng kết tập lần thứ 6) PTS. Pali Text Society (Hội Thánh điển Pali) CBETA. Chinese Buddhist Electronic Text Association ( )(Hiệp hội Phật điển điện tử Trung Hoa) SAT. The SAT Daizokyo Text Database (Cơ sở dữ liệu văn bản Đại tạng kinh) VRI. Vipassanā Research Institute (Viện Nghiên cứu Thiên quán) JPTS. Journal ofPali Text Society (Tạp chỉ Hội

Thánh điển Pall) JRAS. Journal ofthe Royal Asiatic Society (Tạp chí Hội Hoàng gia A châu)

CÁC TỪ VIẾT TẮT Tiếng Việt

S. Tiếng Sanskrit P. Tiếng Pali H. Tiếng Hán E. Tiếng Anh TTL. trước Tây lịch DL. Dương lịch PL. Phật lịch tr. trang Sđd. Sách đã dẫn NXB. Nhà xuất bản nt. như trên

HT. Hòa thượng TT. Thượng tọa ĐĐ. Đại đức NS. Ni sư se. Sư cô TS. Tiến sĩ ThS. Thạc sĩ ND. Người dịch BBT. Ban Biên tập TTDTTT. Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh ITIBPGVN. Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam

Tiếng Anh

AD. (Anno Domini) Công nguyên BC. (Before Christ) trước Công nguyên Cf. (confer) Tham chiếu, so sánh ed. (by) biên tập (bởi) edn. (edition) ấn bản etc. (ét cetera) vân vân... (v.v...)

xliv KINH TÁNG NHÁTA-HÀM

f./ ff. (following pages) trang kế tiếp / các trang kế tiếp fig- hình minh họa ibid, (ibidem) cùng trang đã dẫn / như trên n. (note) chú thích op. cit (opere citato) sách đã dẫn p./ pp. (page/ pages) trang / các trang (by) dịch bởi trans, (translation) bản dịch v. (verse) bài kệ, khổ ke, kệ ngôn Ven. (Venerable) Thượng tọa Ả ỉ r /x ỉ Ả vol./ vols. (volume/ volumes) tap, quyên / các tập, các quyên

DẪN LUẬN KINH TĂNG NHẤT A-HÃM

Kinh Tăng nhấtA-hàm Ekottara Āgamā là bộ thứ tư trong bốn bộ A-hàm .Trong những truyền bản hiện được bảo lưu ở Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh ,Kinh Tăng nhất A-hàm được ghi nhận bằng những tự dạng khác biệt như:.Đặc biệt, trong một số dịch phẩm kinh điển của ngài Huyền Trang 602-664 và ngài Nghĩa Tịnh 9 635-713, Kinh Tăng nhất A-hàm còn được dịch là Tăng nhất A-cấp-ma . Theo phẩm "Tua" của Kỉnh Tăng nhất A-hàm. bản kinh này do ngài A-nan Ānanda,giữ gìn và sau đó truyền thụ cho đệ tử là Tôn giả Ưu- đa-la Uttara,.1 Trong tác phẩm Sớ giải Kỉnh Tăng nhất A-hàm còn được gọi là Phân biệt công đức luận ,2 sau khi giao phó Kinh Tăng nhất A-hàm cho Tôn giả Ưu-đa-la khoảng 12 năm, ngài A-nan nhập Niết-bàn. Từ đó, Tôn giả ưu-đa-la tiếp tục truyền thụ cho đệ tử là ngài Thiện Giác và được các bậc cao Tăng tiếp tục giữ gìn, truyền thụ mãi cho đến ngày nay.3 về ý nghĩa tựa đề kinh, trong bài Tựa Kinh Tăng nhất A-hàm do ngài Đạo An ,312-385 viết đã giải thích: "Căn cứ vào sự xuyên suốt của giáo pháp rồi sắp xếp lại nội dung theo thứ tự pháp số. Con số sau cùng là số "miròi", vì phải tăng thêm umộf\ nên gọi là "tăng nhất". Hơn nữa, vì mỗi con số đều tăng lên, cho nên lấy chữ "tầng"này làm nghĩa?9 Theo Du-già sư địa luân ,do vì dùng các số mục tăng dần như một, hai, ba,... để diễn giải giáo pháp, the nên gọi là Tăng nhất A-cấp-ma.4 về số lượng pháp số5 theo Tỳ-ni mẫu kinh dùng các số mục tăng dần từ một, hai, ba,... cho đến 11 pháp để kết tập lại thành Tăng nhất

1 Tăng nhấtA-hàm kinh, “Tịt” phẩm 02. 0125.1. 0551a27. 2 Theo Xuất Tam tạng kỷ tập 55. 2145.4. 002ÍCỈ3. Nguyên tác: ĩầ. /y 3 Sự truyền thừa của bốn bộ A-hàm và các bộ Luật xem tại Ma-ha Tăng-kỳ luật r.22. 1425.32. 0492c17. ' 4 Du-già sư địa luận T.30. 1579.85. 0772c27. Nguyên tác: .

A-hàm.5 Tương tự như vậy, Luật ngũ phần7 Pañcavargika Vinaya. và Luật tứ phần7 Cāturvargīya Vinaya.đều cho rằng Kỉnh Tăng nhất A-hàm là thành quả của sự kết tập từ một pháp cho đến 11 pháp. Từ thực tế khảo cứu bản Kỉnh Tăng nhất A-hàm số hiệu 0125 hiện được bảo lưu trong Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh, chúng tôi đã ghi nhận nội dung kinh bao gồm từ một pháp đến 11 pháp.89 về cơ bản, số lượng 11 pháp này hoàn toàn giống với 10 số lượng pháp số được đề cập ở Kinh Tăng chỉ bộ Añguttara Nỉkâyă thuộc Thượng Tọa bộ Theravâda, ±. Bản dịch Kinh Tăng nhất A-hàm từ Phạn sang Hán đầu tiên do Sa-môn Đàm-ma-nan-đề Dharmānandī,người nước Đâu-khư-lặc 1 thực hiện vào niên hiệu Kiến Nguyên thứ 21 năm 385 ở thời Tiền Tần 350-394. Theo bài Tựa Kinh Tăng nhất A-hàm^ trong lần phiên dịch này, ngài Đàm-ma-nan-đê tuyên đọc thuộc lòng bản tiêng Phạn, ngài Trúc Phật Niệm nghe và khẩu dịch sang tiếng Hán, ngài Đàm Tung ghi chép lại thành 41 quyển, được chia làm hai phần, gồm phần Thượng và phân Hạ. Phân Thượng có 26 quyên, sau môi quyên có bài kệ tóm tát tựa đê của những bài kinh có trong phẩm đỏ, gọi là Nhiếp tụng JJddāna,.Phần Hạ có 15 quyển nhimg sót mất những bài Nhiếp tụng này. Do đó? ngài Đạo An và ngài Pháp Hòa đã khảo chính lại, hai thầy Tăng Lược và Tăng Mậu hỗ trợ xem xét những chỗ thiếu sót. Với những nỗ lực như vậy nhưng bản dịch đầu tiên này vẫn chưa được hoàn thiện. Thế nên, gần lo năm sau, vào thời Đông Tấn 317-420, ngài Cù-đàm Tăng-già-đề-bà Gautam Samghadeva,1° người nước Ke-tan Kashmir, M đã phiên dịch và hiệu chú thêm một lần nữa vào niên hiệu Long An thứ nhất năm 397. Theo Khai Nguyên Thích giáo lục 5 điều đặc thù về bản djch Tg nhấtA-hàm của ngài Tăng-già- đê-bà chính là dựa trên bản chép tay tiêng Phạn, được ngài Tăng-già-la-xoa Samgharaksa,Chúng Hộ?tuyên đọc.11 Bản dịch này được nhập tạng và hiện đang được lưu giữ trong Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh.

5Tỳ-nỉ mẫu kinh 24. 1463. 0818a23. Nguyên tác: . 6 Di-sa-tắc bộ hòa-hê ngũ phần luật r22. 1421.30. 0191a27. 7 Tứ phần luật 122. 1428.54. 0968b20. 8 Mười một pháp, xem Tăng.15.1-2-3; Tăng.49.1-2-3-4. 9 Xuất Tam tạng ký tập, Tăng nhất A-hàm kinh "Tịt” T.55. 2145.9. 0064b08-bl4. 10 Tang-gia-de-ba ,Saipghadeva nghĩa là Chúng Thiên ,còn gọi là Tăng-già-đề-hòa

11 Khai Nguyên Thích giảo lục 0.55. 2154.3. 0505b05: Theo đó, thỉnh ngài Đề-bà ở ngôi chùa trên ròi dịch Trung A-ham và Tdng nhát A-hàm. Sa-mônjiước Kê-tân Tăng-già-la-xoa cầm bản Phạn, Đe-bà dịch sang tiếng Tấn, cho đên mùa hạ thì hoàn tất ;

tập 2, Số 125, gồm 51 quyển, 52 phẩm, 472 bài kinh, với tên dịch giả và niên đại là "Đông Tấn, Kế-tân Tam tạng Cù-đàm Tăng-già-đề-bà djch."i2 Có thể nói, Kinh Tăng nhất A-hàm được ngài Tăng-già-đề-bà dịch và hiệu chú lại khi vốn dụng ngữ Phạn - Hán của ngài đã vững vàng. Mặc dù vậy, những bài kệ được gọi là "Nhiếp tụng" nằm ở cuối mỗi quyển nhằm ghi nhớ tên của những bài kinh* 13 đã không được bổ sung đầy đủ mà còn có nhiều chỗ nhầm lẫn.1415 Không những thế, trật tự pháp số không mang tính tuần tự từ thấp *18 16 lên cao mà bị đảo lộn ở nhiều nơi. Ngài Ấn Thuận đã chỉ rõ những bất cập này trong công trình nghiên cứu về bốn bộ A-hàm .15 Từ những điều này chứng tỏ9 ngay trong truyền bản tiêng Phạn mà các ngài thuộc lòng, hoặc dựa trên bản viêt tay, đã có sự nhâm lân hoặc bị thiêu sót. Ngoài hai bản dịch nêu trên, còn có một bản Kinh Tăng nhất A-hàm do ngài Cưu-ma-la-thập Kumārajīva,344-413 học được ở nước Sa- lặc Khâsa,16 trước khi trở về Quy-tư Kucĩna,vốn là quê hương thứ hai của ngài. Có the dựa vào bản kinh này mà học trò của ngài Ciru-ma- la-thập là ngài Tăng Triệu 384-414 khi viết Lời tựa của Kinh Trường A-hàm đã cho biêt răng, câu trúc của Kinh Tăng nhát A-hàm gôm có 4 phân, 8 tụng l.17 Theo ngài Ấn Thuận trong Tạp A-hàm kinh luận hội biên, "tụng"ở đây chính là tên gọi khác của "thiên",18 nếu dựa theo quan

n Xuất Tam tạng kỷ tận HIquyển 9, lo, Ị3; Lương cao Tăng mộ2 ,quyển l; Lịch đại Tam bảo kỷ quyên 7 tóm tắt về ngài Tăng-già-đề-bà như sau: Cù-đàm Tăng-già- đề-bà, tức Chúng Thiên, là người nươc Kế-tân, đến Tnmg Hoa vao đời Đông Tấn. Sư là người tihong tuệ? uy nghi đĩnh đạc, bản tính khiêm cung, học thông Ba tạng, nhất là luận Ấ-tỳ-đàrn. Trong niên hiệu Kiến Nguyên ,365-385 đời Tiền Tầi ,350-394, Sư đến Trường An .Tháng tư năm Kiến Nguyên thứ l9Anăm 383, nhận lời thi cua ngài Pháp Hòa, Sư và ngài Trúc Phật Niệm cùng dịch A-ty-đảm Bát kiễn-độ luận myển. Nm sau, ngài Đạo An chủ trì phiên dịch Tôn-bà-tu-mật Bằ-tảt sở tập luận IO quyển, thl Sư và các ngài Tăng-già-bạt-trừng Samghabhūti,,Đàm-ma-nan-đề Dhamiānandī,cùng đọc tiếng Phạn. ít lâu sau, Sư và ngài Pháp Hòa cùng các môn đồ đến Lạc Dương trong thời gian 4-5 năm, Sư nghiên cưu giảng dạykinh A-hàm, nhờ đó thông hiểu tiếng Hán, nên dích Ty-ba-sa A-tỳ-đàm 14 quyên, đồng thời hiệu chú những chỗ sai sót trong các kinh đã được dịch trưÓỊC. Sau đó, ngài Pháp Hòa vào Quan Trung Sư nhận lời9thỉnh của ngài Huệ Viễn śā đến Lô Sơn và dịch A-tỳ-đàm tâm luận 4 quyên NūTam pháp đô luận 3 quyển. Niên hiệu Long An ,năm đau năm 397, Sư đến Kiến Nghiệp rất dugccac vượpg công nhà Tấn va^cac danh sĩ kinh tin. Bấy giờ, Đông Đình Hầu, Lang Gia Vương Tuân ,349-400 kiến lập tinh xá, chiêu mộ học chúng khắp nơi. Khi ngài Đề-bà đen đây, Vương liền thỉnh ngài giảng dạy hầxiA-tỳ-ấàm, đại chúng đều lanhzng0. Mùa đông năm ấy, Vương thỉnh Sư dịch lại Kỉnh Trung A-ham. về các kinh íuậii do Sư dịch, Xuất Tam tạng ký tạp quyển 2 liệt ke 6 bộ l ló quyển, còn Khai Nguyen Thích giảo lục liệt kê 5 bộ ll8 quyển. 13 Nguyên tác: Lục kệ . 14 Những nhầm lẫn này được phát hiện ở phẩm "Nhất nhập dao", phẩm "Lọi đường", phẩm "Thanh văn" và phẩm "TuW... 15

Nguyên thủy Phật giảo Thảnh điển chi tập thành K35. 0033.10. 0758al3.
16 Xuất Tam tạng ký tập T.55. 2145.14. 0100b29: La-thập ở Sa-lāc tụng đóc Tăng nhất A-hàm, các luận Lục túc và A-tỳ-đàm roi trở vê Quy-tư J Xuất Tam tạng kỷ tập, "Trường A-hàm kinh", tự
T.55. 2145.9. 0063Ồ26. 18 Tạp A-hàm kinh luận hội biên K30.
01. b045a01.

điểm này thì Kỉnh Tăng nhấtA-hàm gồm có 4 phần, 8 thiên. Dấu vết về sự phân chia này trong Kinh Tăng nhát A-hàm chỉ còn được lưu lại một dòng ngăn ở phẩm 'Thong ngưu"thứ 49, gọi là Phóng ngưu phẩm đệ tứ thập cửu, đệ tứ Phân biệt tụng .Hiện chúng tôi vẫn chưa tìm thấy tư liệu khả tín để có thể xác định Phân biệt tụng thuộc Kinh Tăng nhất A-hàm có bao nhiêu kinh, nhưng khi đối chiếu với Kinh Trung A-hàm Madhyama Āgamā,hiện còn trong Đại Chánh tạng cho thay, Phân biệt tụng của Kỉnh Trung A-hàm bao gôm 10 quyên, từ quyên 38 đên quyên 48, gồm có 34 kinh, từ kinh 152 đến 186. Như vậy, từ những đối chiếu, liên hệ vừa nêu đã phân nào cho thây bản Kinh Tăng nhát A-hàm của ngài Cưu-ma-la-thập có the đã chuyên chở nhiều giá tri nguyên bản, mang tính đặc thù. Xét về phương diện bộ phái, trong Kỉnh Tăng nhất A-hàm đã tồn tại những cơ sở thuộc Đại Chúng bộ Mahāsāinghika,mang tính tiền đề của Phật giáo Đại thừa. Điều đầu tiên phải kể đến, đó là chi tiết đức Phật thọ ký cho Đề-bà-đạt-đa thành bậc Độc giác với danh hiệu là Nam-mô xuất hiện ở kinh thứ chín, phẩm 'Thong ngưu".19 Sự kiện này có thể xem là cơ sở đầu tiên liên quan đến việc đức Phật thọ ký cho Đề-bà-đạt-đa thành Phật ở Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. với danh hiệu là Thiên Vương Như Lai .2 Đáng chú ý là chi tiêt này cũng xuât hiện trong văn hệ Nikâya, ở tác phàm Milindapañha Mi-tiên vấn đạo, đó là sự kiện đức Phật xác nhận cho Đề- bà-đạt-đa Devadatta sẽ trở thành một vị Phật Độc giác, hiệu là Atthissara.19 2122 2024 23 Thứ hai, kinh điển cũng như giới luật của các bộ phái Phật giáo nói chung không chấp nhận người xuất gia cất giữ tiền bạc, của báu, thế nhưng ở kinh thứ hai, phẩm "Ngũ vương"22 thuộc Tăng nhất A-hàm thì đức Phật cho phép Tôn-giả Thi-bà-la được nhận vàng bạc. Kinh ghi: "Dức Thế Tôn bảo Thi-bà-la: 'Nay thây có thê nhận trăm ngàn lượng vàng của trưởng giả đe cho ông ta được phước quả. Đây là nghiệp duyên đời trước nên có phước báu này.' Ngài Thi-bà-la đáp: 'Xin vâng, thưa Thế T"23 Thứ ba, kinh thứ chín thuộc phẩm "Tứ ý đoạn" đã ghi nhận lời Phật dạy: "Xá-lợi-phất nên biết, Như Lai có bon điều không the nghĩ bàn, chẳng phải là điều mà hàng Tiểu thừa có thể biết^ được y25 Đây là lần đầu tiên, tên gọi "Tiểu thừa"xuất hiện trong bốn bộ A-hàm nói chung và Tăng nhất

19 Xem Tăng.02. 0125.49.9. 0802b15. Nguyên tác:. 20 Diệu Pháp Liên Hoa kỉnh 0962.4. 0035a02. 21 Kinh Mi-tỉên vấn đáp, Hòa thượng Giới Nghiêm dịch Hà Nội: NXB. Tôn giáo, 2003, tr. 323. 22 Ngũ vương phẩm T.02. 0125.33. 068ÍC15. 23 Tang. if £o2. 0125.33 2. 0685b04-06. Nguyên tác: *:i Bất H 24 Túy đoạn phẩm r.02.

0125.26. 0635bl0. 25 Tăng.T.02. 0125.26.9 0640a0. Nguyên tác:.

A-hàm nói riêng. Thứ tu, trong phẩm "Tựa" và kinh thứ tám, phẩm “Khuyến thính”()đã ghi nhận sự phát tâm Đại thừa ().26*28 Thứ năm, Đại trí 31 30 29 độ luận ()đã trưng dẫn Kỉnh Tăng nhất A-hàm và liên hệ với kinh điên Đại thừa. Luận ghi: "Lại nữa, vì lỏng thương yêu mà ban an vui cho chúng sanh, the nên trong Kỉnh Tăng nhất A-hàm có nói lòng từ bỉ có năm công đức. Trong kinh điển Đại thừa có nhiều nơi đề cập về công đức đó y21 Bản kinh mà Đại trí độ luận trưng dẫn có khả năng là kinh số 10, thuộc phẩm "Thiện tụ"().28 Bên cạnh những tư liệu có liên hệ đến Đại Chúng bộ và kinh điển Đại thừa, Kinh Tăng nhất A-hàm cũng có mối liên quan đến Nhất Thiết Hữu bộ ( ).Mười một pháp mà một bậc A-la-hán không bao giờ thực hành, theo Tăng nhất A-hàm (T.02. 0125.49.4. 0797a09-al8), là một trong những cơ sở. Không những thế, theo Thành duy thức luận ()ngài Huyền Trang đã gián tiếp cho biết rằng, Kinh Tăng nhất A-hàm thuộc về Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ. Luận ghi: "Trong Kinh Tăng nhất A-hàm của Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ có an ỷ cho rang, tên gọi thức a-lại-da này chỉnh là ái trước a-lại-da, vui thích a-lại-daf hân hoan a-lại-daf hoan hỷ a-lại-day19 Đối khảo đoạn kinh được ngài Huyên Trang đê cập trong Luận Thành duy thức, chúng tôi chỉ tìm thây một yếu tố rất nhỏ ở Kinh Tăng nhất A-hàm^ tuy nhiên, khi đối chiếu với bản kinh tương đương ở văn hệ Pali thì có nhiều điều trùng khớp?1 Đây là một trong những bằng chứng cho thấy, Kỉnh Tăng nhấtA-hàm thuộc về Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ theo tuyên bo của ngài Huyền Trang. Đặc biệt, qua khảo sát cho thấy, có nhiều bản kinh trong Tăng nhất A-hàm tương đương với những bản kinh thuộc Thượng Tọa bộ như Trường bộ (Dīghā Nikãya). Trung bộ (Majjhimā Nikãyă). Tương ưng bộ (Samyutta Nikãyă) và Tăng chi bộ (Añguttara Nikãya). vấn đề này đã có nhiều công trình nghiên cứu khả tín của các học giả trên thế giới liệt kê rất mực chi tiết về chánh kinh, nhưng

26 Tự phẩm (r.02. 0125.1. 055Oa 12): Nguyên tác:i ;Tăng. (r?02 0125.19.8. 0595al8). Nguyên tác,, . ^ Đại trỉđộ luận(T.25. 0509.12. 021 Ibl8). Nguyên tác: A 28 Tăng. 0.02. 0125.32.10. 0680c18). 29 Thành duy thức luận (7.31. 1585.3. 0015a27-a29). Nguyên tác: EE 30 Đó là bài kinh thuộc Tăng.(T.02. 0125.25.3. 0631b21-b23). Nguyên tác: KJii Như Lai thi hiện ở đời, sẽ có bốn pháp hy hữu xuất hiện ở đời. Là bốn pháp nào? Chúng sanh này phân nhiêu bị chập trước (tham chiếu: 4 4.128 II. 131 :Ãỉaya), khi Như Lai thuyết pháp không chấp trước thì họ sẽ tiêp nhận, ghi nhớ, tu tập, thực hành theo pháp đó, tâm không rời xaj Ịỉ E 31 A. 4.128 - II. 131:

Ālayarāmā, bhikkhave, pajā ālayaratā ālayasammuditāya tathāgatena^ anālaye dhamme desiyamāne sussūsatisotam odahati aññā cittam upatihapeti (Này các Ty-kheo, quan chúng ưa thích chấp giữ, thích thú chấp giữ, hoan hỷ chấp giữ, khi pháp không chap giữ được Như Lai thuyêt giảng, họ khéo nghe, lắng tai, chánh trí an trú

tâm), HT. Thích Minh Châu dịch.

l KINH TÀNG NHẤT A-HÀM _____

vẫn chưa giới thiệu đầy đủ về phần Chủ giải}2 Nhan dây, chúng tôi tập trung giới thiệu những bản Kinh Tăng nhất A-hàm có mối liên hệ tương đương với những tác phẩm Chủ giải thuộc Thượng Tọa bộ. Trước hết, đối với tác phẩm Chủ giải Kinh Pháp cú(phammapada Atthakathã), đã có nhiều bản Kỉnh Tăng nhất A-hàm tương đương với từng phần, từng câu chuyện của tác phẩm này. Đơn cử như DhA. 1.7 nói về trường hợp Đề-bà-đạt-đa sám hối, tương đương với Tăng.(r02. 0125.49.9. 0802bl5); DhA. 1.9 nói về việc hóa độ Nadà, tương đương với Tăng. (r02 0125.18.7. 0591b04); DhA. 2.3 nói về hai anh em Chau-lợi-bàn-đặc? tương đương với Tăng.(r02. 0125.20.12. 0601a21); DhA. 4.3 nói về vương nạn Tỳ-lưu-ly, tương đương với Tăng.(r02. 0125.34.2. 0690al3); DhA. 4.5 nói về việc hóa độ trưởng giả Bạt-đề và người em Nan-đà? tương đương với Tăng.(T.02. 0125.28.1. 0646c29); DhA. 4.12 nói về trưởng giả Thi-lợi-quật (Singutta,9)tương đương với Tdng i^(r02. 0125.45.7. 0773c20); DhA. 7.9 nói về Tôn giả Thi-bà-la (Sĩvali,)tương đương với Tăng. (7.02. 0125.33.2. 0683a06); DhA. 26.37 nói về vi Phạm chí chuyên gõ đầu lâu, tương đương với Tăng (r.02. 0125.28.4. 0650cl2); DhA. 21.1 nói về đại dịch ở thành Tỳ-xá-ly, tương đương với Tăng (r02. 0125.38.11. 0725bl4). Riêng đối với Chủ giải Chuyện tiền thân ựãtaka Atthakatha), tuy không có nhiều bản kinh Tảng nhất A-hàm tương đương và phong phú như Chú giải Kinh Pháp củ. nhtrng về phương diện nội dung thì có những điều tương đồng kỳ đặc. Đơn cử như câu chuyện vê vương nạn Tỳ-lưu-ly5 nêu như ở Kinh Tăng nhất A-hàm chỉ gói gọn trong Tăng.(r.02. 0125.34.2. 0690al3), nhưng ở Chuyện tiền thân ụ. IV. 465) thì nội dung này được diễn giải rất mực sinh động. Đáng lưu ý9 chi tiết đức Phật ngồi bên cội cây khô ngăn Vua Tỳ-lưu-ly tàn sát dòng họ Sâkya ở hai nguồn tư liệu này giống nhau và trùng khớp đến mức kỳ lạ. Nấu như ở Kinh Tăng nhất A-hàm. đức Phật đã trả lời Vua Tỳ-lưu- ly rằng: "Bóng của thân tộc mát hơn người ngoàĩ\!)33 thi ở J. IV.
465 cũng đồng thời ghi nhận: "Bóng cây của thân tộc Ta khiến cho Ta mát mề'32 (ñātakānam chāyā nāma sĩtalã)?5 Có thể còn nhiều điều phải bàn 3435 33 ve mức độ chân thực từ câu nói này của đức Phật, nhưng qua đó đã cho thấy những điều tương hợp lạ lùng giữa Kinh Tăng nhấtA-hàm và Chủ giải Chuyện

32 Xem thêm: Masaharu Anesaki, The Four Buddhist Āgamas in Chinese: A Concordance of Their and of the Corresponding Counterparts in the PāliNikāyas, 1908; Xích Chiểu Trí Thiện),Lam Cát Phú (Ếp),Hán - Pali tứ bộ, tứ A-hàmđôi chiêu lục (), Hoa Vũ xuất bản x(),Đài Bắc thị, Đài Loan(),1988; Phật
Quang Đại tạng kinh, phần giới thiệu Kinh Tăng nhất A-hàm. 33 Tăng.r02. 0125.34.2. 069la05). 34 Kỉnh Tiểu bộ, tập 7, ^Chuyện cổ thụ Cát Tường SalcC\ Trần Phương Lan dịch, Viện NCPHVN, 2002, tr. 648. J 35 V. Fausboll, The Jātaka Together with Its Commentary - Being Tales ofthe Anterior Births of Gotama Buddha, vol 4 (London: Luzac and Company Ltd., 1963), p. 152.

_____ DẪN LUẬN li

tiên thân ựãtaka Atthakatha). Ngoài ra, câu chuyện vê mười giác mộng của Vua Ba-tư-nặc ở Mahāsupinajātaka (Chuyện giấc mộng lớrì), số 77 (J. L 334) tương đương với Tăng.(T.02. 0125.52.9. 0829b 11); câu chuyện trưởng giả Thi-lợi-quật (Sirigutta,,)ở J. L 40 tương đương với Tăng.(L02. 0125.45.7. 0773c20); câu chuyện về Tôn giả Thi-bà-la (Sĩvali,)6 J L 100 tương đương vơi Tăng. 4(r02. 0125.33.2. 0683a06). Có thể nói, trong bốn bộ A-hàm, chỉ riêng Tăng nhấtA-hàm ghi nhận nhiều nội dung tương đồng với các tác phẩm Chú giải thuộc Thượng Tọa bộ. Qua đó cho thấy niên đại Kinh Tăng nhất A-hàm được hình thành khá muộn, nhưng đong thời đã the hiện sự dung nhiếp, tổng hòa những nội dung tư tưởng quan trọng, đặc thù của nhiều bộ phái Phật giáo. Đặc biệt, một trong những đóng góp dễ nhận thấy từ Kỉnh Tăng nhất A-hàm. xét về phương diện lịch sử văn hóa, đó chính là sự thống nhất cách dùng họ Thích đối với toàn bộ những người xuất gia theo truyền thống Phật giáo Bắc truyền, vốn được đề xuất bởi ngài Đạo An.36 Riêng đối với Việt Nam, bản dịch tiếng Việt Kinh Tăng nhấtA-hàm đầu tiên do Hòa thượng Thích Thanh Từ thực hiện theo tinh thần phan nhiệm của Hội nghị toàn thể Hội đồng Phiên dịch Tam tạng, do Viện Tăng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tổ chức ngày 20-10-1973 tại Đại học Vạn Hạnh.37 Bản dịch này được Hòa thượng Thích Thiện Siêu hiệu đính và Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành lần đầu vào năm 1997. Hơn mười năm sau, Hòa thượng Thích Đức Thắng cống hiến thêm một bản dịch Kinh Tăng nhấtA-hàm. Bản này được Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ hiệu đính và chú thích, Nhà xuất bản Phương Đông ấn hành lần đầu vào năm 2008. Tiếp nối sự nghiệp của người đi trước, Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh đã tham chiếu tất cả các bản Việt dịch, đồng thời tham khảo những công trình nghiên cứu Kinh tạng Nikâya - A-hàm hiện có trên thế giới, để Việt hóa Kinh Tăng nhất A-hàm theo tôn chỉ: Chân thực - Uyên thâm - Văn nhã. Nhằm giúp người đọc dễ dàng nắm bắt nội dung, chúng tôi đã đặt lại tựa đề cho toàn bộ 472 bài kinh trong Tăng nhất A-hàm. điều mà trải qua hai lần hiệu chú của ngài Đạo An, Pháp Hòa và ngài Tăng-già-đề-bà còn bỏ ngỏ. Trong khi đặt lại tựa đề cho mỗi bài kinh, điều hiển nhiên xảy ra là các tựa đề này không còn trùng khớp với Nhiêp tụng còn sót lại. Vì muôn bảo tôn những dâu vét trong quá trình truyền thừa kinh văn nên chúng tôi đã giữ lại những bài “Nhiếp tụng” này và sắp đặt ở phần chú thích, mặc dù các bài Nhiếp tụng có những giới hạn như: (i) Tên của những bài kinh theo Nhiếp tụng chưa sát với nội dung; (ii) Nhiều phẩm kinh không có Nhiếp tụng; (iii) Những bài kệ Nhiếp tụng có nhiều chỗ nhầm lẫn, chưa hợp lý.

36 ^heo Xuất Tam tạng kỷ tập (r.55. 2145.15. 0108c03). 37 Biên bản Hội nghịrtoàn thể Hội đồng Phiên dịch Tam tạng của Viện Tăng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, tổ chức tư ngày 20 đến ngày 22-1Ó-1973.

Hi KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

Trong quá trình thực hiện việc chuyển dịch Kinh Tăng nhất A-hàm lần này, Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh đã may mắn phát hiện những chỗ nhầm lẫn hoặc quên sót ngay trong bản gốc Phạn - Hán và những bất cập này vẫn bi lặp lại trong các bản dịch tiếng Việt trước đây. Gặp những trường hợp này, chúng tôi đã cẩn trọng đối chiếu với nhiều

nguồn tư liệu khả tín để quyết trạch nội dung, đông thời cân thận chú thích đê người đọc tiện bê tra cứu. Mặc dù cẩn trọng và nỗ lực về nhiều phương diện, nhưng thực sự rất khó tránh khỏi những sơ suất do chưa đủ chú tâm, nơi đây, xin thành tâm đảnh lễ mười phương Tăng-già, quý thiện tri thức gần xa, xin quý ngài lân mẫn chỉ dạy để bản dịch được sáng tỏ hơn trong những ấn bản về sau. Với lòng quý trọng vô biên, chúng con xin kính tri ân lịch đại Tổ sư, chư vị Tôn túc, những bậc đã tận hiến đời mình vào công cuộc giữ gìn, phiên dịch, hiệu chú kinh điển và truyền bá Chánh pháp.

Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh thực hiện.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.